Saigon Academy

TÀI LIỆU ÔN THI CÔNG CHỨC HẢI QUAN

MÔN: NGHIỆP VỤ HẢI QUAN



Cập nhật

2027

TS. Trần Quang Vũ
Z, M: 0913106015

MỤC LỤC

CHUYÊN ĐỀ 1: TRỊ GIÁ HẢI QUAN

I. TỔNG QUAN VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN 1
1. Khái niệm trị giá hải quan 1
2. Vai trò của trị giá hải quan 2
3. Ý nghĩa đối với doanh nghiệp 3
4. Các khoản thuế liên quan đến trị giá hải quan 4
5. Căn cứ pháp lý 6
II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN 8
1. Nguyên tắc chung 8
2. Nguyên tắc khách quan 8
3. Nguyên tắc trung thực 8
4. Nguyên tắc phù hợp chứng từ 8
5. Nguyên tắc áp dụng tuần tự các phương pháp 9
III. TRỊ GIÁ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU 10
1. Giá thực tế phải trả hoặc sẽ phải trả 10
2. Điều kiện áp dụng trị giá giao dịch 11
3. Các khoản phải cộng 12
4. Các khoản được trừ 14
5. Ví dụ xác định trị giá nhập khẩu 15
IV. 06 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN 17
1. Phương pháp 1 – Trị giá giao dịch 17
2. Phương pháp 2 – Trị giá giao dịch của hàng NK giống hệt 19
3. Phương pháp 3 – Trị giá giao dịch của hàng NK tương tự 21
4. Phương pháp 4 – Phương pháp khấu trừ 22
5. Phương pháp 5 – Phương pháp tính toán 24
6. Phương pháp 6 – Phương pháp suy luận 25
7. Trình tự áp dụng các phương pháp 27

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

V. TRỊ GIÁ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG XUẤT KHẨU 29
1. Khái niệm 29
2. Nguyên tắc xác định 29
3. Giá bán tại cửa khẩu xuất 31
4. Các khoản điều chỉnh 32
5. Ví dụ thực tế 33
VI. CÁC KHOẢN ĐIỀU CHỈNH TRỊ GIÁ 35
1. Khoản cộng 35
2. Khoản trừ 38
3. Điều kiện được điều chỉnh 39
4. Chứng từ chứng minh 39
5. Ví dụ minh họa 41
VII. CHI PHÍ VẬN TẢI VÀ BẢO HIỂM 43
1. Freight (Cước vận chuyển quốc tế) 43
2. Insurance (Phí bảo hiểm) 44
3. Local Charges 45
4. THC (Terminal Handling Charge) 46
5. Handling Charge 46
VIII. THAM VẤN TRỊ GIÁ HẢI QUAN 48
1. Khái niệm 48
2. Trường hợp bị tham vấn 48
3. Quy trình tham vấn 49
4. Hồ sơ doanh nghiệp cần chuẩn bị 50
5. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp 51
6. Kết quả tham vấn 52
IX. BÀI TẬP TÍNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN 53
1. Bài tập cơ bản 53
2. Bài tập Freight 54
3. Bài tập Insurance 54
4. Bài tập FOB 55

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

5. Bài tập CIF 56
6. Bài tập DDP 56
7. Bài tập Royalty 57
8. Bài tập Assist 57
9. Bài tập tổng hợp 58
X. TÌNH HUỐNG THỰC TẾ 61
1. Nhập khẩu máy móc theo điều kiện FOB 61
2. Nhập khẩu nguyên liệu theo điều kiện CIF 61
3. Điều chỉnh trị giá do phát sinh Royalty 62
4. Xử lý khoản Assist trong hợp đồng gia công 63
5. Doanh nghiệp bị tham vấn trị giá 63
6. Doanh nghiệp bị truy thu thuế sau kiểm tra sau thông quan 64
7. Khiếu nại kết quả xác định trị giá hải quan 65
CHUYÊN ĐỀ 2: MÃ HS HÀNG HÓA XNK
I. TỔNG QUAN VỀ MÃ HS 68
1. Khái niệm mã HS 68
2. Lịch sử hình thành Hệ thống HS 69
3. Mục đích của việc phân loại hàng hóa 70
4. Vai trò của mã HS trong thương mại quốc tế 71
5. Cơ quan ban hành và quản lý HS 72
II. CẤU TRÚC CỦA MÃ HS 75
1. Hệ thống phân cấp 75
2. Mã HS quốc tế và mã HS Việt Nam 78
3. Ví dụ minh họa cấu trúc mã HS 79
III. DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM 81
1. Danh mục HS của Việt Nam 81
2. Biểu thuế xuất nhập khẩu 82
IV. 06 QUY TẮC TỔNG QUÁT PHÂN LOẠI HÀNG HÓA (GRI) 88
1. Giới thiệu GRI 88
2. Quy tắc 1 89

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

3. Quy tắc 2(a) 90
4. Quy tắc 2(b) 91
5. Quy tắc 3(a) 92
6. Quy tắc 3(b) 93
7. Quy tắc 3(c) 94
8. Quy tắc 4 95
9. Quy tắc 5(a) 96
10. Quy tắc 5(b) 97
11. Quy tắc 6 98
12. Sơ đồ lựa chọn quy tắc GRI 99
V. CHÚ GIẢI PHÁP LÝ TRONG PHÂN LOẠI HS 102
1. Chú giải phần 102
2. Chú giải chương 103
3. Chú giải phân nhóm 104
4. Vai trò của chú giải 105
5. Ví dụ áp dụng 106
VI. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH MÃ HS 109
1. Thu thập thông tin hàng hóa 109
2. Xác định bản chất hàng hóa 111
3. Xác định chương 112
4. Xác định nhóm 113
5. Xác định phân nhóm 114
6. Kiểm tra lại kết quả 114
7. Hồ sơ phục vụ phân loại 115
VII. CÁC NHÓM HÀNG THƯỜNG GẶP 118
1. Máy móc thiết bị 118
2. Linh kiện điện tử 119
3. Hóa chất 120
4. Thực phẩm 121
5. Nông sản 122

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

6. Dệt may 123
7. Gỗ 124
8. Kim loại 124
9. Nhựa 125
10. Phương tiện vận tải 125
VIII. NHỮNG SAI SÓT THƯỜNG GẶP KHI ÁP MÃ HS 128
1. Chỉ dựa vào tên hàng 128
2. Không đọc chú giải 129
3. Không áp dụng đúng GRI 129
4. Áp theo mã của doanh nghiệp khác 130
5. Không cập nhật phiên bản HS 131
6. Khai sai dẫn đến truy thu thuế 132
IX. XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ HÀNG HÓA 135
1. Khái niệm 135
2. Điều kiện áp dụng 136
3. Hồ sơ đề nghị 137
4. Quy trình thực hiện 138
5. Giá trị pháp lý 138
X. TÌNH HUỐNG THỰC TẾ 140
1. Khai sai HS dẫn đến truy thu thuế 140
2. Tranh chấp mã HS giữa doanh nghiệp và Hải quan 140
3. Áp dụng GRI đối với bộ hàng hóa 141
4. Phân loại máy đa chức năng 142
5. Xác định HS cho hàng mới chưa có tiền lệ 143
6. Doanh nghiệp xin xác định trước mã HS 143
7. Điều chỉnh mã HS sau thông quan 144

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

CHUYÊN ĐỀ 3: XUẤT XỨ HÀNG HÓA

I. TỔNG QUAN VỀ XUẤT XỨ HÀNG HÓA 147
1. Khái niệm xuất xứ hàng hóa 147
2. Mục đích xác định xuất xứ 147
3. Vai trò của xuất xứ trong thương mại quốc tế 149
4. Phân biệt xuất xứ và nơi sản xuất 150
5. Phân biệt xuất xứ và xuất xứ thương hiệu 150
6. Ý nghĩa đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu 152
II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ XUẤT XỨ HÀNG HÓA 153
1. Hiệp định WTO về Quy tắc xuất xứ (Rules of Origin) 153
2. Công ước Kyoto sửa đổi 153
3. Luật Quản lý ngoại thương 154
4. Luật Hải quan 154
5. Các Nghị định hướng dẫn 155
6. Các Thông tư của Bộ Công Thương 155
7. Văn bản của Cục Hải quan 156
III. PHÂN LOẠI XUẤT XỨ HÀNG HÓA 157
1. Xuất xứ ưu đãi (Preferential Origin) 157
2. Xuất xứ không ưu đãi (Non-preferential Origin) 158
3. Điểm khác nhau giữa hai loại xuất xứ 159
4. Trường hợp áp dụng từng loại 160
IV. QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HÓA 161
1. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy (Wholly Obtained – WO) 161
2. Hàng hóa không thuần túy 162
3. Chuyển đổi mã số hàng hóa (CTC) 162
4. Hàm lượng giá trị khu vực (Regional Value Content – RVC) 166
5. Công đoạn gia công chế biến cụ thể (Specific Process – SP) 170
6. Kết hợp nhiều tiêu chí xuất xứ 170

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

V. CÁC QUY ĐỊNH HỖ TRỢ XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ 172
1. De Minimis 172
2. Cộng gộp xuất xứ (Accumulation) 172
3. Phụ kiện, bao bì 174
4. Bao bì vận chuyển 174
5. Bộ hàng hóa (Sets) 175
6. Nguyên liệu trung gian 176
7. Yếu tố trung tính 176
8. Công đoạn gia công đơn giản 177
VI. GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA (C/O) 178
1. Khái niệm C/O 178
2. Chức năng của C/O 180
3. Nội dung của C/O 180
4. Các chủ thể liên quan đến C/O 182
5. Quy trình xin cấp C/O 183
6. Hồ sơ đề nghị cấp C/O 183
7. Thời hạn cấp C/O 184
8. Kiểm tra tính hợp lệ của C/O 184
9. Các sai sót thường gặp trên C/O 185
10. Các mẫu Giấy C/O phổ biến 185
VII. TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA 190
1. Khái niệm 190
2. Điều kiện áp dụng 191
3. Nội dung khai báo 192
4. Trách nhiệm của doanh nghiệp 193
VIII. KIỂM TRA VÀ XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA 195
1. Kiểm tra hồ sơ 195
2. Kiểm tra Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) 196
3. Những trường hợp C/O có thể bị từ chối 197
4. Xác minh xuất xứ 197

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

5. Hợp tác giữa cơ quan hải quan các nước 198
6. Hậu quả khi khai sai xuất xứ 199
IX. TÌNH HUỐNG THỰC TẾ VỀ XUẤT XỨ HÀNG HÓA 201
1. Tình huống 1: Xác định xuất xứ hàng may mặc 201
2. Tình huống 2: Xác định xuất xứ linh kiện điện tử 202
3. Tình huống 3: Tính RVC cho sản phẩm sản xuất tại Việt Nam 203
4. Tình huống 4: Áp dụng quy tắc CTH 203
5. Tình huống 5: Hồ sơ xin cấp C/O Form D 204
6. Tình huống 6: Hồ sơ hưởng ưu đãi EVFTA 204
7. Tình huống 7: Doanh nghiệp bị từ chối C/O 205
8. Tình huống 8: Tranh chấp về xuất xứ hàng hóa 205
X. CÁC LỖI THƯỜNG GẶP VÀ KINH NGHIỆM THỰC TẾ 207
1. Sai tiêu chí xuất xứ 207
2. Sai mã HS dẫn đến sai xuất xứ 208
3. Sai tiêu chí RVC 208
4. Sai thông tin trên C/O 209
5. Không đáp ứng quy tắc FTA 210
6. Kinh nghiệm chuẩn bị hồ sơ 211
CHUYÊN ĐỀ 4: THUẾ & BIỂU THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU
I. TỔNG QUAN VỀ THUẾ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU 213
1. Khái niệm thuế xuất nhập khẩu 213
2. Vai trò của thuế trong hoạt động ngoại thương 214
3. Các loại thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu 216
4. Nguyên tắc thu thuế hàng hóa xuất nhập khẩu 218
5. Căn cứ pháp lý 219
II. BIỂU THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM 221
1. Khái niệm Biểu thuế xuất nhập khẩu 221
2. Cấu trúc của Biểu thuế 222
3. Ý nghĩa từng cột thông tin 223
4. Quan hệ giữa mã HS và thuế suất 225

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

5. Cách tra cứu Biểu thuế 226
III. THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU 228
1. Đối tượng chịu thuế 228
2. Đối tượng không chịu thuế 229
3. Người nộp thuế 230
4. Căn cứ tính thuế 230
5. Công thức tính thuế 233
6. Thời điểm xác định thuế 233
7. Thời hạn nộp thuế 234
IV. THUẾ SUẤT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU 235
1. Thuế suất thông thường 235
2. Thuế suất ưu đãi (MFN) 235
3. Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) 237
4. Thuế chống bán phá giá 238
5. Thuế chống trợ cấp 239
6. Thuế tự vệ 239
7. Thuế chống lẩn tránh 240
V. THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU 242
1. Khái niệm 242
2. Đối tượng chịu thuế 243
3. Đối tượng không chịu thuế 244
4. Căn cứ tính thuế 244
5. Giá tính thuế TTĐB 245
6. Thuế suất TTĐB 246
7. Công thức tính thuế 247
8. Ví dụ thực hành 247
VI. THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HÀNG NK 249
1. Khái niệm 249
2. Mục đích đánh thuế 250
3. Đối tượng chịu thuế 251

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

4. Mức thuế 252
5. Phương pháp tính thuế 252
6. Ví dụ thực tế 253
VII. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU 255
1. Khái niệm 255
2. Đối tượng chịu thuế 256
3. Đối tượng không chịu thuế 257
4. Giá tính thuế GTGT 258
5. Thuế suất GTGT 258
6. Công thức tính thuế 260
7. Ví dụ thực hành 260
VIII. MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ, HOÀN THUẾ 263
1. Miễn thuế 263
2. Giảm thuế 264
3. Hoàn thuế 265
4. Không thu thuế 266
5. Hồ sơ thực hiện 267
IX. BÀI TẬP TÍNH THUẾ TỔNG HỢP 269
1. Chỉ phát sinh thuế nhập khẩu 269
2. Thuế nhập khẩu + GTGT 270
3. Thuế nhập khẩu + TTĐB + GTGT 271
4. Thuế nhập khẩu + BVMT + GTGT 272
5. Phát sinh đồng thời cả 4 sắc thuế 273
6. Bài tập nâng cao 274
X. TÌNH HUỐNG THỰC TẾ 276
1. Nhập khẩu ô tô 276
2. Nhập khẩu bia, rượu 277
3. Nhập khẩu xăng dầu 278
4. Nhập khẩu mỹ phẩm 279
5. Nhập khẩu máy móc 280

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

6. Nhập khẩu nguyên liệu sản xuất xuất khẩu 281

CHUYÊN ĐỀ 5: SỞ HỮU TRÍ TUỆ & BẢO VỆ QUYỀN SHTT TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

I. TỔNG QUAN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ 283

1. Khái niệm sở hữu trí tuệ 283

2. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ 283

3. Các nhóm quyền sở hữu trí tuệ 284

4. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ 285

5. Đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ 285

6. Đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ 286

7. Vai trò của sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế 287

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ 288

1. Sáng chế 288

2. Kiểu dáng công nghiệp 289

3. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn 290

4. Nhãn hiệu 290

5. Tên thương mại 291

6. Chỉ dẫn địa lý 291

7. Bí mật kinh doanh 292

8. Quyền tác giả 292

9. Quyền liên quan đến quyền tác giả 293

10. Quyền đối với giống cây trồng 293

III. BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ HÀNG HÓA XNK 295

1. Khái niệm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ 295

2. Mục đích bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ 295

3. Cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ 296

4. Tự bảo vệ của chủ thể quyền 296

5. Bảo vệ bởi cơ quan Nhà nước 297

6. Vai trò của Hải quan trong bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ 298

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

IV. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ 300
1. Biện pháp dân sự 300
2. Biện pháp hành chính 301
3. Biện pháp hình sự 302
4. Biện pháp kiểm soát biên giới của Hải quan 303
5. So sánh các biện pháp xử lý 304
V. KIỂM SOÁT HÀNG HÓA XNK LIÊN QUAN ĐẾN SHTT 305
1. Tạm dừng làm thủ tục hải quan 305
2. Kiểm tra, giám sát hải quan 305
3. Kiểm soát hải quan 306
4. Đặc điểm của biện pháp kiểm soát 308
5. Quyền và trách nhiệm của chủ thể quyền 308
6. Quyền và trách nhiệm của cơ quan Hải quan 309
VI. THỦ TỤC YÊU CẦU HẢI QUAN BẢO VỆ QUYỀN SHTT 311
1. Đối tượng có quyền nộp đơn 311
2. Hồ sơ yêu cầu 312
3. Tài liệu kèm theo 313
4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ 313
5. Thẩm quyền xử lý 313
6. Thời hạn xử lý hồ sơ 314
VII. QUY TRÌNH KIỂM TRA, GIÁM SÁT HÀNG HÓA 315
1. Kiểm tra trong quá trình làm thủ tục hải quan 315
2. Thông báo hàng hóa nghi ngờ xâm phạm 315
3. Tạm dừng làm thủ tục hải quan 316
4. Gia hạn thời gian tạm dừng 316
5. Lấy mẫu và giám định 317
6. Xử lý sau khi hết thời hạn tạm dừng 317
VIII. XỬ LÝ VI PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ 319
1. Căn cứ xác định hành vi xâm phạm 319
2. Dấu hiệu xâm phạm đối với từng đối tượng SHTT 319

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

3. Thẩm quyền xử lý của Hải quan 320
4. Chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền 321
5. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại 321
IX. CÁC HÀNH VI VI PHẠM THƯỜNG GẶP 322
1. Hàng giả mạo nhãn hiệu 322
2. Hàng giả mạo chỉ dẫn địa lý 322
3. Hàng hóa xâm phạm quyền tác giả 323
4. Hàng hóa xâm phạm sáng chế 323
5. Hàng hóa xâm phạm kiểu dáng công nghiệp 323
6. Gian lận thương mại liên quan đến SHTT 323
X. HỒ SƠ VÀ CHỨNG TỪ TRONG BẢO VỆ QUYỀN SHTT 324
1. Văn bằng bảo hộ 324
2. Giấy ủy quyền 324
4. Danh sách nhà xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp 325
5. Hồ sơ giám định SHTT 326
6. Tiền bảo đảm 326
XI. TÌNH HUỐNG THỰC TẾ 327
1. Nhập khẩu hàng giả nhãn hiệu nổi tiếng 327
2. Hàng hóa vi phạm kiểu dáng công nghiệp 328
3. Hàng hóa vi phạm sáng chế 328
4. Hàng hóa vi phạm bản quyền phần mềm 329
5. Hàng hóa giả mạo chỉ dẫn địa lý 329
6. Phối hợp giữa Hải quan và chủ thể quyền 330
XII. CÁC LỖI THƯỜNG GẶP VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN 331
1. Hồ sơ yêu cầu chưa đầy đủ 331
2. Thiếu chứng cứ xác lập quyền 331
3. Không xác định đúng đối tượng bảo hộ 332
4. Chậm nộp tiền bảo đảm 332
5. Sai quy trình yêu cầu Hải quan 333
6. Kinh nghiệm phối hợp với cơ quan Hải quan 333

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

CHUYÊN ĐỀ 6: CHÍNH SÁCH MẶT HÀNG VÀ KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

I. TỔNG QUAN VỀ CHÍNH SÁCH MẶT HÀNG 336
1. Khái niệm chính sách mặt hàng 336
2. Vai trò của chính sách mặt hàng trong quản lý nhà nước 337
3. Hàng rào thuế quan và phi thuế quan 340
4. Các biện pháp quản lý phi thuế quan 341
5. Cơ sở pháp lý về chính sách mặt hàng 343
6. Nguyên tắc áp dụng trong thủ tục hải quan 344
II. HỆ THỐNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU 346
1. Các hình thức quản lý hàng hóa 346
2. Quản lý bằng danh mục hàng hóa 348
3. Quản lý bằng giấy phép 349
4. Quản lý bằng điều kiện, tiêu chuẩn 351
5. Quản lý bằng hạn ngạch 353
6. Quản lý bằng kiểm tra chuyên ngành 354
III. HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU, CẤM NHẬP KHẨU 355
1. Khái niệm hàng hóa cấm 355
2. Danh mục hàng cấm xuất khẩu 355
3. Danh mục hàng cấm nhập khẩu 357
4. Thẩm quyền quyết định ngoại lệ 359
5. Hồ sơ và thủ tục hải quan 360
6. Các tình huống thực tế 360
IV. HÀNG HÓA QUẢN LÝ THEO GIẤY PHÉP 362
1. Giấy phép xuất khẩu 362
2. Giấy phép nhập khẩu 363
3. Giấy phép nhập khẩu tự động 364
4. Điều kiện cấp giấy phép 365
5. Hồ sơ hải quan 366

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

6. Lưu ý khi khai báo 367
V. HÀNG HÓA QUẢN LÝ THEO HẠN NGẠCH 369
1. Khái niệm hạn ngạch 369
2. Hạn ngạch thuế quan 370
4. Cấp giấy phép hạn ngạch 371
5. Áp dụng thuế trong và ngoài hạn ngạch 373
6. Thực hành khai báo 373
VI. KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA 375
1. Cơ sở pháp lý 375
2. Hàng hóa nhóm 2 376
3. Đăng ký kiểm tra chất lượng 378
4. Thông báo kết quả kiểm tra 378
5. Thông quan hàng hóa 379
6. Các lỗi thường gặp 380
VII. KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM 382
1. Đối tượng kiểm tra 382
2. Hồ sơ đăng ký 383
3. Quy trình kiểm tra 384
4. Miễn kiểm tra 385
5. Thông quan hàng hóa 386
6. Kinh nghiệm thực tế 386
VIII. KIỂM DỊCH HÀNG HÓA 389
1. Kiểm dịch thực vật 389
2. Kiểm dịch động vật 390
3. Kiểm dịch thủy sản 391
4. Kiểm dịch y tế 391
5. Hồ sơ kiểm dịch 392
6. Thủ tục hải quan 394

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

IX. CHÍNH SÁCH MẶT HÀNG CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG 395
1. Hàng xuất khẩu quản lý theo giấy phép 395
2. Hàng nhập khẩu quản lý theo giấy phép 395
3. Hàng nhập khẩu tự động 396
4. Hạn ngạch thuế quan 397
Kiểm tra chất lượng 399
6. Một số mặt hàng đặc thù 399
X. CHÍNH SÁCH MẶT HÀNG CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG 401
1. Quản lý giống cây trồng, vật nuôi 401
2. Thuốc bảo vệ thực vật 403
3. Thuốc thú y 404
4. Kiểm dịch động thực vật 405
5. Kiểm tra an toàn thực phẩm 406
6. Điều kiện xuất nhập khẩu 407
XI. CHÍNH SÁCH MẶT HÀNG CỦA CÁC BỘ, NGÀNH KHÁC 409
1. Bộ Y tế 409
2. Bộ Khoa học và Công nghệ 411
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 411
4. Ngân hàng Nhà nước 412
5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an 413
6. Bộ Thông tin và Truyền thông 414
XII. TRA CỨU VÀ ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH MẶT HÀNG 415
1. Tra cứu theo mã HS 415
2. Tra cứu theo tên hàng 418
3. Tra cứu văn bản pháp luật 419
4. Xác định cơ quan quản lý chuyên ngành 420
5. Thứ tự kiểm tra chính sách mặt hàng 423
6. Quy trình xác định chính sách trước khi khai hải quan 424

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

XIII. TÌNH HUỐNG THỰC TẾ VỀ CHÍNH SÁCH MẶT HÀNG 427
1. Tình huống 1. Nhập khẩu mỹ phẩm 427
2. Tình huống 2. Nhập khẩu thực phẩm chức năng 429
3. Tình huống 3. Nhập khẩu máy móc đã qua sử dụng 430
4. Tình huống 4. Xuất khẩu khoáng sản 432
5. Tình huống 5. Nhập khẩu hóa chất 434
6. Tình huống 6. Xuất khẩu động vật, thực vật thuộc CITES 436
7. Kinh nghiệm tổng hợp từ các tình huống 438

CHUYÊN ĐỀ 7: TỜ KHAI HẢI QUAN XNK

I. TỔNG QUAN VỀ TỜ KHAI HẢI QUAN 440
1. Khái niệm tờ khai hải quan 440
2. Vai trò của tờ khai hải quan 440
3. Các loại tờ khai hải quan 441
4. Tờ khai hàng hóa xuất khẩu 442
5. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu 447
6. Nguyên tắc khai và sử dụng tờ khai hải quan 451
7. Trách nhiệm của người khai hải quan 452
8. Mối quan hệ giữa tờ khai hải quan và bộ chứng từ XNK 452
II. CẤU TRÚC TỔNG THỂ CỦA TỜ KHAI HẢI QUAN 455
1. Bố cục tờ khai hải quan 455
2. Các nhóm thông tin trên tờ khai 456
3. Thông tin quản lý của cơ quan Hải quan 457
4. Thông tin về doanh nghiệp 458
5. Thông tin về hàng hóa 460
6. Thông tin về vận chuyển hàng hóa 463
7. Thông tin về hóa đơn và trị giá 464
8. Thông tin về thuế và các khoản phải nộp 465
9. Thông tin về kiểm tra, thông quan và xử lý của Hải quan 467

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

III. THÔNG TIN CHUNG TRÊN TỜ KHAI 469
1. Số tờ khai 469
2. Số tờ khai liên quan 470
3. Mã phân loại kiểm tra 471
4. Mã loại hình 472
5. Mã số hàng hóa đại diện 473
6. Cơ quan Hải quan tiếp nhận 474
7. Mã bộ phận xử lý 475
8. Ngày đăng ký và ngày thay đổi đăng ký 476
9. Thời hạn tái nhập, tái xuất 477
IV. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN 479
1. Người xuất khẩu 479
2. Người nhập khẩu 481
3. Người ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu 483
4. Mã số doanh nghiệp 484
5. Tên doanh nghiệp 485
6. Địa chỉ, mã bưu chính, số điện thoại 486
7. Mã nước 487
8. Đại lý hải quan 488
9. Mã nhân viên Hải quan 489
V. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA 491
1. Số vận đơn 491
2. Số lượng hàng hóa 492
3. Tổng trọng lượng hàng (Gross) 494
4. Số lượng container 495
5. Địa điểm lưu kho 496
6. Địa điểm xếp hàng 497
7. Địa điểm dỡ hàng 498
8. Phương tiện vận chuyển 499
9. Ngày hàng đi dự kiến / ngày hàng đến 500

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

10. Ký hiệu và số hiệu 501
11. Thông tin trung chuyển 502
12. Địa điểm đích của vận chuyển bảo thuế 503
13. Các lỗi thường gặp khi khai thông tin vận chuyển 505
VI. HÓA ĐƠN VÀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN 507
1. Số hóa đơn 507
2. Số tiếp nhận hóa đơn điện tử 509
3. Ngày phát hành hóa đơn 510
4. Phương thức thanh toán 511
5. Tổng trị giá hóa đơn 512
6. Tổng trị giá tính thuế 512
7. Tỷ giá tính thuế 513
8. Mã phân loại khai trị giá 515
9. Khai trị giá tổng hợp 515
10. Các khoản điều chỉnh 516
11. Phí vận chuyển 517
12. Phí bảo hiểm 518
13. Hệ số phân bổ trị giá 518
14. Chi tiết khai trị giá 519
VII. CHI TIẾT HÀNG HÓA VÀ THUẾ 523
1. Mã số hàng hóa 523
2. Mô tả hàng hóa 525
3. Mã quản lý riêng 526
4. Số lượng và đơn vị tính 527
5. Trị giá hóa đơn 528
6. Đơn giá hóa đơn 528
7. Trị giá tính thuế 529
8. Số lượng, đơn giá tính thuế 530
9. Thuế suất 530
10. Số tiền thuế 531

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

11. Miễn, giảm, không chịu thuế 532
12. Nước xuất xứ 533
13. Các loại thuế và khoản thu khác 534
14. Tổng số tiền thuế phải nộp 535
15. Kiểm tra sự phù hợp giữa mã HS – mô tả – trị giá – thuế 535
16. Checklist kiểm tra một dòng hàng 537

CHUYÊN ĐỀ 8: THỦ TỤC HẢI QUAN CÁC LOẠI HÌNH

I. TỔNG QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN 540
1. Khái niệm thủ tục hải quan 540
2. Đối tượng áp dụng 542
3. Hàng hóa phải làm thủ tục hải quan 543
4. Các địa điểm làm thủ tục hải quan 544
5. Quy trình thủ tục hải quan điện tử 545
6. Những nguyên tắc quản lý hải quan hiện đại 547
II. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA KINH DOANH 548
1. Khái niệm hàng hóa kinh doanh 548
2. Hồ sơ hải quan 549
3. Chuẩn bị chứng từ 549
4. Quy trình khai báo 552
5. Phân luồng tờ khai 553
6. Nộp thuế và thông quan 554
7. Ví dụ thực tế 555
III. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG GIA CÔNG 556
1. Khái niệm gia công cho thương nhân nước ngoài 556
2. Điều kiện thực hiện 556
3. Thông báo hợp đồng gia công 558
4. Thủ tục nhập nguyên liệu 558
5. Quản lý nguyên liệu, vật tư 559
6. Thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công 560
7. Thanh khoản hợp đồng gia công 561

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

8. Xử lý nguyên liệu dư thừa, phế liệu, phế phẩm 561
9. Những lưu ý thường gặp 562
IV. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG SẢN XUẤT XUẤT KHẨU 564
1. Khái niệm loại hình sản xuất xuất khẩu 564
2. Điều kiện áp dụng 565
3. Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu 566
4. Quản lý nguyên liệu 566
5. Thủ tục xuất khẩu sản phẩm 567
6. Báo cáo quyết toán 568
7. Xử lý nguyên liệu dư thừa 569
8. Kiểm tra sau thông quan 570
9. Ví dụ thực tế 571
V. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI DN CHẾ XUẤT (EPE) 572
1. Khái niệm doanh nghiệp chế xuất 572
2. Điều kiện áp dụng 572
3. Chính sách hải quan đối với EPE 573
4. Thủ tục nhập khẩu 574
5. Thủ tục xuất khẩu 575
6. Giao dịch với nội địa 575
7. Kiểm tra, giám sát hải quan 576
8. Báo cáo quyết toán 577
9. Các lỗi thường gặp 577
VI. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HH XNK TẠI CHỖ 579
1. Khái niệm xuất nhập khẩu tại chỗ 579
2. Các trường hợp được áp dụng 580
3. Điều kiện thực hiện 580
4. Hồ sơ hải quan 581
5. Quy trình khai báo 582
6. Nghĩa vụ thuế 583
7. Hoàn thành thủ tục 583

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

VII. THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG TẠM NHẬP - TÁI XUẤT 585
1. Khái niệm tạm nhập - tái xuất 585
3. Các mặt hàng được phép kinh doanh 586
4. Hồ sơ hải quan 587
5. Thủ tục tạm nhập 587
6. Quản lý hàng hóa trong thời gian lưu giữ 588
7. Thủ tục tái xuất 589
8. Gia hạn thời gian lưu giữ 589
9. Chính sách thuế 590
10. Quản lý rủi ro và giám sát hải quan 590
11. Ví dụ thực tế 591
VIII. CÁC LỖI THƯỜNG GẶP VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN 592
1. Khai sai loại hình 592
2. Sai mã HS 592
3. Sai trị giá hải quan 593
4. Sai xuất xứ 594
6. Thiếu hồ sơ chuyên ngành 596
7. Chậm báo cáo quyết toán 596
8. Vi phạm thời hạn tái xuất 597
9. Kinh nghiệm hạn chế rủi ro trong quá trình làm TTHQ 598
IX. TÌNH HUỐNG THỰC TẾ 600
1. Thủ tục nhập khẩu hàng kinh doanh 600
2. Thủ tục nhập nguyên liệu gia công 601
3. Thủ tục nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu 602
4. Thủ tục xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất 603
5. Thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ 603
6. Thủ tục tạm nhập - tái xuất máy móc 604
7. Xử lý hàng bị phân luồng đỏ 605
8. Xử lý khi khai sai tờ khai hải quan 605
9. Một số kinh nghiệm thực tiễn 607

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Saigon Academy

TÀI LIỆU ÔN THI CÔNG CHỨC HẢI QUAN

Chuyên đề 1: Trị giá hải quan



Cập nhật

2027

TS. Trần Quang Vũ
Z, M: 0913106015

I. TỔNG QUAN VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN

1. Khái niệm trị giá hải quan

Trị giá hải quan (Customs Value) là **giá trị của hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu được cơ quan hải quan xác định theo quy định của pháp luật để làm căn cứ tính thuế và thực hiện quản lý nhà nước về hải quan**.

Đối với hàng hóa nhập khẩu, trị giá hải quan chủ yếu được xác định dựa trên **giá thực tế đã thanh toán hoặc sẽ phải thanh toán cho hàng hóa**, sau khi cộng hoặc trừ các khoản điều chỉnh theo quy định.

Đối với hàng hóa xuất khẩu, trị giá hải quan được xác định theo quy định riêng nhằm phục vụ quản lý hải quan và thống kê thương mại.

Nói một cách đơn giản:

Trị giá hải quan không phải lúc nào cũng bằng giá ghi trên hóa đơn thương mại (Commercial Invoice), mà là giá trị được xác định theo các nguyên tắc pháp luật hải quan.

Ví dụ minh họa

Doanh nghiệp A nhập khẩu một lô máy móc với:

- Giá FOB: 50.000 USD
- Cước vận chuyển quốc tế: 2.000 USD
- Bảo hiểm: 500 USD

Nếu trị giá hải quan được xác định theo điều kiện CIF thì:

Trị giá hải quan = 50.000 + 2.000 + 500 = 52.500 USD

Khoản 52.500 USD sẽ là căn cứ để tính các loại thuế theo quy định.

Đặc điểm của trị giá hải quan

Trị giá hải quan có những đặc điểm sau:

Là căn cứ tính thuế

Đây là chức năng quan trọng nhất của trị giá hải quan.

Mọi loại thuế tính theo giá trị đều bắt đầu từ trị giá hải quan.

Được xác định theo quy định pháp luật

Doanh nghiệp không được tự ý xác định theo ý muốn.

Việc xác định phải tuân thủ:

- Luật Hải quan
- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu
- Các nghị định
- Thông tư hướng dẫn

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

- Hiệp định WTO

Có thể khác giá trên hóa đơn

Nhiều khoản chi phí phát sinh phải cộng vào trị giá hải quan như:

- Phí vận chuyển
- Phí bảo hiểm
- Tiền bản quyền (Royalty)
- Giá trị hỗ trợ (Assist)
- Hoa hồng môi giới

Ngược lại, có những khoản được phép loại trừ nếu đáp ứng điều kiện theo quy định.

Có tính quốc tế

Hầu hết các quốc gia thành viên WTO đều áp dụng nguyên tắc xác định trị giá theo Hiệp định Trị giá Hải quan của WTO nhằm đảm bảo sự thống nhất và minh bạch trong thương mại quốc tế.

2. Vai trò của trị giá hải quan

Trị giá hải quan có vai trò rất quan trọng đối với Nhà nước, doanh nghiệp và hoạt động thương mại quốc tế.

2.1. Cơ sở tính thuế

Đây là vai trò quan trọng nhất.

Hầu hết các sắc thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đều được xác định dựa trên trị giá hải quan.

Ví dụ:

- Thuế nhập khẩu
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế bảo vệ môi trường (đối với một số trường hợp)

Nếu trị giá hải quan thay đổi thì số thuế phải nộp cũng thay đổi.

2.2. Chống gian lận thương mại

Một số doanh nghiệp có thể khai báo giá thấp hơn thực tế nhằm:

- Giảm thuế phải nộp
- Chuyển lợi nhuận
- Trốn thuế

Việc xác định đúng trị giá hải quan giúp cơ quan hải quan:

- Phát hiện khai báo không trung thực
- Chống chuyển giá

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

- Chống thất thu ngân sách

2.3. Bảo đảm công bằng trong thương mại

Nếu doanh nghiệp A khai giá đúng còn doanh nghiệp B khai giá thấp thì:

- Doanh nghiệp B sẽ nộp ít thuế hơn
- Có lợi thế cạnh tranh không công bằng

Do đó, xác định đúng trị giá giúp tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng.

2.4. Thống kê thương mại quốc gia

Trị giá hải quan còn được sử dụng để:

- Thống kê kim ngạch xuất khẩu
- Thống kê kim ngạch nhập khẩu
- Phân tích cán cân thương mại
- Xây dựng chính sách kinh tế

2.5. Thực hiện cam kết quốc tế

Việc xác định trị giá theo Hiệp định WTO giúp:

- Minh bạch
- Công bằng
- Dễ dự đoán
- Hài hòa với thông lệ quốc tế

3. Ý nghĩa đối với doanh nghiệp

Đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu, việc hiểu và xác định đúng trị giá hải quan mang lại nhiều lợi ích.

Giảm rủi ro pháp lý

Khai báo đúng trị giá giúp doanh nghiệp:

- Tránh bị xử phạt
- Tránh bị truy thu thuế
- Hạn chế bị tham vấn trị giá
- Giảm nguy cơ kiểm tra sau thông quan

Tính đúng chi phí nhập khẩu

Chi phí nhập khẩu bao gồm:

- Giá mua hàng
- Thuế nhập khẩu
- Thuế VAT
- Thuế TTĐB (nếu có)
- Phí logistics

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

- Chi phí lưu kho

Nếu trị giá hải quan xác định sai thì toàn bộ chi phí sẽ bị sai lệch.

Chủ động xây dựng giá bán

Biết trước trị giá hải quan giúp doanh nghiệp:

- Dự toán chi phí
- Xác định giá thành
- Báo giá cho khách hàng
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh

Hạn chế tranh chấp với cơ quan hải quan

Doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ sẽ:

- Giảm thời gian thông quan
- Hạn chế yêu cầu giải trình
- Tiết kiệm chi phí phát sinh

Nâng cao uy tín doanh nghiệp

Doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan thường:

- Được đánh giá mức độ tuân thủ cao
- Thuận lợi trong các thủ tục hải quan
- Giảm chi phí tuân thủ trong dài hạn

4. Các khoản thuế liên quan đến trị giá hải quan

Trị giá hải quan là căn cứ quan trọng để xác định nghĩa vụ thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

4.1. Thuế nhập khẩu

Thuế nhập khẩu là khoản thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu khi đưa vào lãnh thổ Việt Nam.

Đối với hàng hóa áp dụng thuế suất theo tỷ lệ phần trăm:

Thuế nhập khẩu = Trị giá tính thuế × Thuế suất

Ví dụ:

- Trị giá hải quan: 1 tỷ đồng
- Thuế suất nhập khẩu: 10%

Thuế nhập khẩu phải nộp:

= 1 tỷ × 10% = 100 triệu đồng

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

4.2. Thuế xuất khẩu

Một số mặt hàng xuất khẩu thuộc diện chịu thuế xuất khẩu.

Cách tính:

Thuế xuất khẩu = Trị giá tính thuế × Thuế suất xuất khẩu

Ví dụ:

Khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên hoặc một số mặt hàng đặc thù có thể thuộc diện chịu thuế xuất khẩu theo quy định.

4.3. Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Đối với hàng nhập khẩu:

VAT được tính trên giá trị sau khi cộng thuế nhập khẩu và các khoản thuế liên quan theo quy định.

Ví dụ:

- Trị giá hải quan: 500 triệu
- Thuế nhập khẩu: 50 triệu

Giá tính VAT sẽ bao gồm trị giá hải quan cộng thuế nhập khẩu (và các khoản thuế khác nếu pháp luật quy định phải cộng).

4.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt

Áp dụng đối với các mặt hàng như:

- Ô tô
- Rượu
- Bia
- Thuốc lá
- Xăng
- Điều hòa công suất lớn (theo phạm vi pháp luật quy định)
- Một số hàng hóa khác thuộc diện chịu thuế

Trị giá hải quan là một trong các yếu tố cấu thành căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu.

4.5. Thuế bảo vệ môi trường

Áp dụng đối với một số nhóm hàng như:

- Xăng dầu
- Than đá
- Dung dịch HCFC
- Túi ni lông thuộc diện chịu thuế
- Một số hàng hóa khác theo quy định

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

Đối với các mặt hàng chịu thuế, trị giá hải quan có ảnh hưởng đến việc xác định tổng nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp, tùy theo phương pháp tính của từng sắc thuế.

5. Căn cứ pháp lý

Việc xác định trị giá hải quan tại Việt Nam được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật trong nước và các cam kết quốc tế.

Luật Hải quan

Là văn bản pháp luật quy định:

- Nguyên tắc quản lý hải quan
- Khai báo hải quan
- Kiểm tra hải quan
- Trị giá hải quan
- Kiểm tra sau thông quan
- Tham vấn trị giá

Đây là nền tảng pháp lý quan trọng trong hoạt động quản lý hải quan.

Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Quy định:

- Đối tượng chịu thuế
- Người nộp thuế
- Căn cứ tính thuế
- Thuế suất
- Miễn thuế
- Giảm thuế
- Hoàn thuế

Luật này gắn chặt với việc xác định trị giá hải quan để tính đúng số thuế phải nộp.

Hiệp định Trị giá Hải quan của WTO (WTO Customs Valuation Agreement)

Hiệp định này đưa ra các nguyên tắc cơ bản như:

- Ưu tiên sử dụng trị giá giao dịch.
- Áp dụng tuần tự sáu phương pháp xác định trị giá.
- Không sử dụng trị giá tùy tiện hoặc áp đặt.
- Bảo đảm minh bạch và công bằng giữa các quốc gia thành viên.

Việt Nam nội luật hóa các nguyên tắc này trong hệ thống pháp luật về hải quan.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Nghị định và Thông tư hướng dẫn

Để triển khai các quy định của luật, Chính phủ và Bộ Tài chính ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn về:

- Phương pháp xác định trị giá hải quan.
- Các khoản phải cộng, được trừ.
- Hồ sơ khai báo trị giá.
- Tham vấn trị giá.
- Kiểm tra sau thông quan.
- Xử lý vi phạm liên quan đến trị giá hải quan.

Hiện nay, việc xác định trị giá hải quan dựa theo Thông tư 39/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 60/2019/TT-BTC.

Doanh nghiệp cần thường xuyên cập nhật các văn bản hướng dẫn mới để bảo đảm việc khai báo trị giá hải quan đúng quy định hiện hành.



Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN

1. Nguyên tắc chung

Việc xác định trị giá hải quan phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với Hiệp định Trị giá Hải quan của WTO.

Trị giá hải quan phải phản ánh đúng giá trị thực tế của hàng hóa và được sử dụng làm căn cứ tính thuế cũng như thực hiện quản lý nhà nước về hải quan.

2. Nguyên tắc khách quan

Trị giá hải quan phải được xác định dựa trên các thông tin, chứng từ và dữ liệu có thật, không mang tính chủ quan hoặc áp đặt.

Cơ quan hải quan và doanh nghiệp đều phải căn cứ vào các tài liệu hợp pháp như:

- Hợp đồng ngoại thương.
- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice).
- Vận đơn (Bill of Lading/Air Waybill).
- Chứng từ thanh toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

3. Nguyên tắc trung thực

Người khai hải quan có trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin liên quan đến trị giá hàng hóa.

Việc khai sai giá, che giấu các khoản phải cộng hoặc sử dụng chứng từ không đúng quy định có thể dẫn đến bị truy thu thuế, xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Nguyên tắc phù hợp chứng từ

Mọi khoản chi phí được cộng hoặc trừ khi xác định trị giá hải quan phải có chứng từ hợp pháp chứng minh.

Thông tin khai báo phải thống nhất với:

- Hợp đồng mua bán.
- Hóa đơn thương mại.
- Chứng từ vận chuyển.
- Chứng từ bảo hiểm.
- Chứng từ thanh toán và các tài liệu liên quan.

Nếu có sự khác biệt giữa các chứng từ, doanh nghiệp phải giải trình và cung cấp tài liệu chứng minh theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

5. Nguyên tắc áp dụng tuần tự các phương pháp

Đối với hàng hóa nhập khẩu, việc xác định trị giá hải quan phải áp dụng **tuần tự sáu phương pháp xác định trị giá** theo quy định.

Phương pháp sau chỉ được áp dụng khi không đủ điều kiện áp dụng phương pháp trước.

Thứ tự áp dụng gồm:

1. Phương pháp trị giá giao dịch.
2. Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa giống hệt.
3. Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa tương tự.
4. Phương pháp khấu trừ.
5. Phương pháp tính toán.
6. Phương pháp suy luận.

Việc tuân thủ đúng trình tự này giúp bảo đảm tính khách quan, minh bạch và thống nhất trong quá trình xác định trị giá hải quan.



Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

III. TRỊ GIÁ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU

1. Giá thực tế phải trả hoặc sẽ phải trả

Theo quy định của pháp luật về hải quan và Hiệp định Trị giá Hải quan của WTO, **giá thực tế đã thanh toán hoặc sẽ phải thanh toán (Price Actually Paid or Payable)** là **tổng số tiền mà người mua đã thanh toán hoặc có nghĩa vụ phải thanh toán cho người bán để mua hàng hóa nhập khẩu**, sau khi đã xem xét các khoản điều chỉnh theo quy định.

Đây là cơ sở quan trọng nhất để xác định trị giá hải quan theo **phương pháp trị giá giao dịch**.

Nói cách khác, đây là giá mua bán thực tế giữa người mua và người bán, không phải là giá ước tính hay giá tham khảo.

Đặc điểm của giá thực tế phải trả

Giá thực tế phải trả có các đặc điểm sau:

- Được hình thành từ giao dịch mua bán hàng hóa.
- Có chứng từ hợp pháp chứng minh (hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán...).
- Có thể đã thanh toán hoặc sẽ thanh toán trong tương lai.
- Có thể phải điều chỉnh bằng cách cộng hoặc trừ các khoản theo quy định trước khi trở thành trị giá hải quan.

Hình thức thanh toán

Giá thực tế phải trả không phụ thuộc vào hình thức thanh toán.

Doanh nghiệp có thể thanh toán bằng:

- Chuyển khoản ngân hàng (T/T).
- Thư tín dụng (L/C).
- Nhờ thu (Collection).
- Ghi sổ (Open Account).
- Trả trước.
- Trả chậm.

Miễn là việc thanh toán có căn cứ pháp lý và chứng từ hợp lệ.

Ví dụ

Doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu máy móc từ Nhật Bản:

- Giá ghi trên Invoice: 80.000 USD
- Thanh toán bằng L/C

Nếu không phát sinh khoản điều chỉnh nào thì:

Giá thực tế phải trả = 80.000 USD

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

2. Điều kiện áp dụng trị giá giao dịch

Phương pháp trị giá giao dịch là **phương pháp ưu tiên số một** trong 06 phương pháp xác định trị giá hải quan.

Tuy nhiên, phương pháp này chỉ được áp dụng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

Điều kiện 1. Có giao dịch mua bán hàng hóa

Hàng hóa phải được mua bán để xuất khẩu vào Việt Nam.

Ví dụ:

- Doanh nghiệp Việt Nam mua hàng của doanh nghiệp Hàn Quốc.
- Hàng được xuất khẩu từ Hàn Quốc sang Việt Nam.

Đây là giao dịch mua bán hợp pháp.

Điều kiện 2. Không bị hạn chế quyền định đoạt hàng hóa

Người mua sau khi nhập khẩu phải có quyền sử dụng, bán hoặc định đoạt hàng hóa, trừ các hạn chế:

- Do pháp luật quy định.
- Giới hạn khu vực tiêu thụ.
- Không ảnh hưởng đáng kể đến giá giao dịch.

Điều kiện 3. Giá không phụ thuộc điều kiện không xác định được giá trị

Nếu hợp đồng quy định những điều kiện làm cho giá hàng hóa không thể xác định được thì không áp dụng trị giá giao dịch.

Ví dụ:

- Giá phụ thuộc kết quả bán hàng sau nhập khẩu.
- Giá thay đổi theo doanh thu tương lai mà không xác định được.

Điều kiện 4. Không phải hoàn trả cho người bán khoản lợi nhuận từ việc bán lại

Nếu người mua phải chuyển lại cho người bán một phần lợi nhuận từ việc bán hàng sau nhập khẩu thì khoản này phải được điều chỉnh theo quy định.

Điều kiện 5. Quan hệ đặc biệt không làm ảnh hưởng đến giá

Nếu người mua và người bán có quan hệ đặc biệt (công ty mẹ - công ty con, công ty liên kết...) thì vẫn có thể áp dụng trị giá giao dịch nếu chứng minh được quan hệ đó **không làm ảnh hưởng đến giá mua bán**.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

3. Các khoản phải cộng

Trong nhiều trường hợp, giá ghi trên hóa đơn chưa phản ánh đầy đủ giá trị hàng hóa nhập khẩu.

Do đó, pháp luật quy định phải cộng thêm một số khoản chi phí vào giá giao dịch để xác định trị giá hải quan.

3.1. Hoa hồng môi giới

Là khoản tiền người mua trả cho bên môi giới để thực hiện giao dịch mua hàng.

Khoản hoa hồng môi giới (trừ hoa hồng mua hàng theo quy định) có thể phải cộng vào trị giá hải quan nếu đáp ứng điều kiện pháp luật quy định.

Ví dụ

Giá hàng: 100.000 USD

Hoa hồng môi giới: 2.000 USD

Khoản này được xem xét cộng vào trị giá hải quan theo quy định hiện hành.

3.2. Chi phí bao bì

Bao bì được coi là một bộ phận của hàng hóa khi dùng để đóng gói xuất khẩu.

Ví dụ:

- Thùng gỗ
- Thùng kim loại
- Bình chứa chuyên dụng
- Bao container chuyên dụng (trong trường hợp thuộc đối tượng phải cộng)

Nếu chi phí này chưa có trong giá mua thì phải cộng.

3.3. Chi phí đóng gói

Bao gồm:

- Tiền nhân công đóng gói.
- Chi phí vật liệu đóng gói.
- Chi phí kiểm tra trong quá trình đóng gói.

Ví dụ:

Chi phí đóng gói: 500 USD

Nếu Invoice chưa bao gồm thì cộng thêm.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

3.4. Tiền bản quyền (Royalty)

Royalty là khoản tiền người mua phải trả để được:

- Sử dụng nhãn hiệu.
- Quyền sáng chế.
- Quyền sản xuất.
- Quyền phân phối.
- Bí quyết công nghệ.

Khoản tiền bản quyền được cộng vào trị giá hải quan nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Ví dụ

Doanh nghiệp nhập khẩu giày Adidas và phải trả phí sử dụng thương hiệu theo hợp đồng.

Nếu khoản phí này liên quan trực tiếp đến hàng hóa nhập khẩu và đáp ứng điều kiện pháp luật, khoản phí có thể được cộng vào trị giá hải quan.

3.5. Khoản trợ giúp (Assist)

Assist là giá trị hàng hóa hoặc dịch vụ do người mua cung cấp miễn phí hoặc với giá ưu đãi cho người bán để sản xuất hàng nhập khẩu.

Ví dụ:

- Khuôn mẫu.
- Bản thiết kế.
- Nguyên liệu.
- Linh kiện.
- Thiết bị.

Ví dụ:

Doanh nghiệp Việt Nam gửi khuôn trị giá 20.000 USD cho nhà sản xuất tại Trung Quốc để sản xuất linh kiện.

Khoản hỗ trợ này có thể phải phân bổ và cộng vào trị giá hải quan theo quy định.

3.6. Phí vận chuyển

Chi phí vận chuyển quốc tế đến cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam thường được tính vào trị giá hải quan nếu chưa bao gồm trong giá mua.

Ví dụ: Freight: 1.500 USD

Khoản này được cộng nếu chưa có trong giá hóa đơn.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

3.7. Phí bảo hiểm

Nếu doanh nghiệp mua bảo hiểm quốc tế cho hàng hóa thì chi phí bảo hiểm được xem xét cộng vào trị giá hải quan khi chưa bao gồm trong giá mua.

Ví dụ: Insurance: 300 USD

3.8. Các khoản khác theo quy định

Ngoài các khoản trên, pháp luật còn quy định một số khoản phải cộng khác nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện, chẳng hạn:

- Khoản tiền người mua phải trả gián tiếp cho người bán liên quan đến hàng hóa nhập khẩu.
- Khoản thu từ việc bán lại, định đoạt hoặc sử dụng hàng hóa sau nhập khẩu mà người bán được hưởng và chưa được tính trong giá mua.

Doanh nghiệp cần đối chiếu với quy định hiện hành để xác định chính xác các khoản điều chỉnh.

4. Các khoản được trừ

Không phải mọi khoản chi phí đều được tính vào trị giá hải quan.

Một số khoản được loại trừ nếu:

- Được tách riêng trên chứng từ.
- Có chứng từ hợp pháp.
- Đáp ứng quy định pháp luật.

Các khoản thường được xem xét loại trừ gồm:

Chi phí phát sinh sau nhập khẩu

Ví dụ:

- Chi phí lắp đặt.
- Chi phí chạy thử.
- Chi phí bảo trì.
- Chi phí đào tạo.

Nếu các khoản này phát sinh sau khi hàng đã nhập khẩu và được tách riêng thì không tính vào trị giá hải quan.

Chi phí vận chuyển nội địa

Ví dụ:

Hàng từ cảng Cát Lái vận chuyển về Bình Dương.

Chi phí này không thuộc trị giá hải quan.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

Thuế và lệ phí phát sinh tại Việt Nam

Ví dụ:

- Thuế VAT.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Thuế bảo vệ môi trường.
- Lệ phí hải quan.

Các khoản này không được cộng vào trị giá hải quan vì được xác định sau khi trị giá hải quan đã được tính.

Khoản giảm giá hợp pháp

Nếu khoản giảm giá được thỏa thuận rõ trong hợp đồng và phản ánh đúng giá giao dịch theo quy định, doanh nghiệp có thể được xem xét khi xác định trị giá hải quan.

5. Ví dụ xác định trị giá nhập khẩu

Ví dụ 1. Điều kiện FOB

Doanh nghiệp nhập khẩu máy móc.

Thông tin:

- Giá FOB: 50.000 USD
- Freight: 2.000 USD
- Insurance: 500 USD

Trị giá hải quan: = 50.000 + 2.000 + 500 = **52.500 USD**

Ví dụ 2. Điều kiện CIF

Thông tin:

- Giá CIF: 120.000 USD

Trong giá CIF đã bao gồm:

- Giá hàng
- Cước vận chuyển
- Bảo hiểm

Không phát sinh khoản điều chỉnh khác.

Trị giá hải quan = 120.000 USD

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

Ví dụ 3. Có tiền bản quyền (Royalty)

Thông tin:

- Giá CIF: 90.000 USD
- Tiền bản quyền phải trả: 5.000 USD (đáp ứng điều kiện phải cộng)

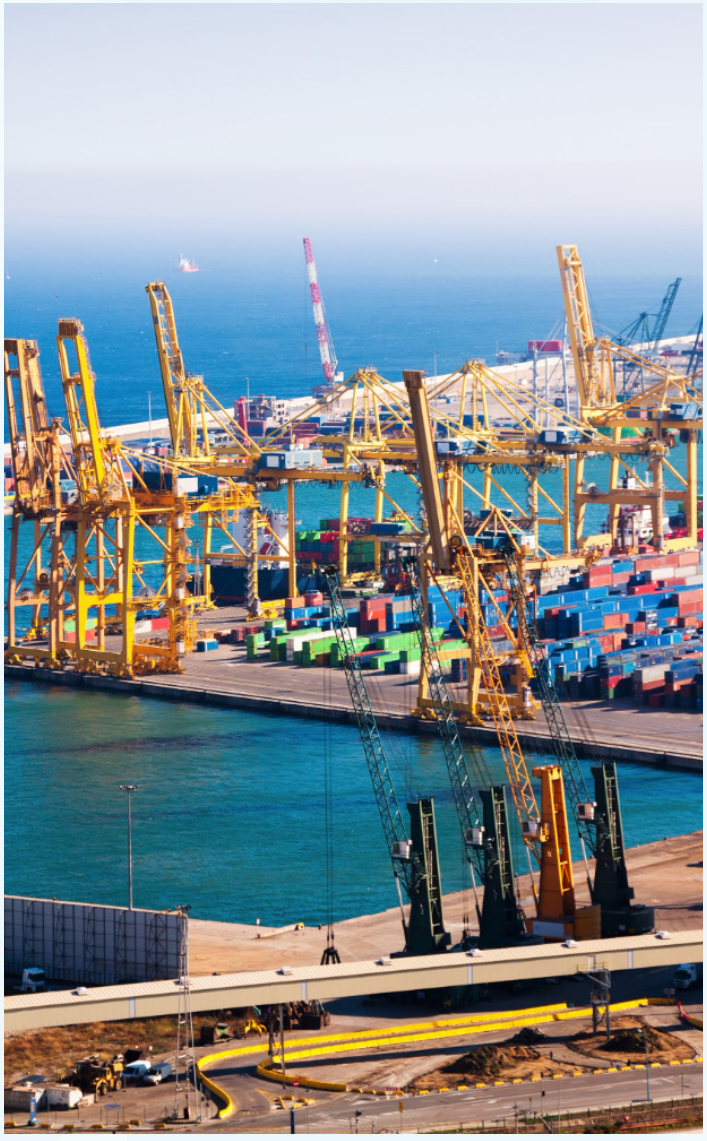
Trị giá hải quan: 90.000 + 5.000 = **95.000 USD**

Ví dụ 4. Có trợ giúp

Thông tin:

- Giá CIF: 100.000 USD
- Giá trị khuôn mẫu do người mua cung cấp: 10.000 USD (được phân bổ toàn bộ cho lô hàng và đáp ứng điều kiện phải cộng)

Trị giá hải quan: 100.000 + 10.000 = **110.000 USD**



Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

IV. 06 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN

1. Phương pháp 1 – Trị giá giao dịch

Phương pháp trị giá giao dịch là phương pháp xác định trị giá hải quan dựa trên **giá thực tế đã thanh toán hoặc sẽ phải thanh toán cho hàng hóa nhập khẩu**, sau khi cộng hoặc trừ các khoản điều chỉnh theo quy định.

Đây là phương pháp được ưu tiên áp dụng đầu tiên và được sử dụng phổ biến nhất trong thực tế.

Trong phần lớn các giao dịch thương mại quốc tế, nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định thì cơ quan hải quan sẽ chấp nhận trị giá giao dịch làm trị giá hải quan.

Mục đích của phương pháp

Phương pháp trị giá giao dịch nhằm:

- Phản ánh đúng giá mua bán thực tế của hàng hóa.
- Bảo đảm tính khách quan và minh bạch.
- Hạn chế việc áp đặt giá.
- Phù hợp với thông lệ thương mại quốc tế.

Điều kiện áp dụng

Phương pháp trị giá giao dịch chỉ được áp dụng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có giao dịch mua bán hàng hóa

Hàng hóa phải được mua bán để xuất khẩu vào Việt Nam.

Ví dụ:

Công ty A tại Việt Nam mua 500 bộ máy tính từ Công ty B tại Hàn Quốc theo hợp đồng ngoại thương.

Đây là giao dịch mua bán hợp pháp.

2. Không có hạn chế quyền định đoạt hàng hóa

Sau khi nhập khẩu, người mua được quyền:

- Bán hàng.
- Sử dụng hàng.
- Chuyển nhượng hàng.

Ngoại trừ các hạn chế:

- Do pháp luật quy định.
- Hạn chế về khu vực bán hàng.
- Hạn chế không ảnh hưởng đáng kể đến giá.

3. Giá giao dịch xác định được

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Giá mua bán phải xác định rõ ràng.

Không được áp dụng nếu:

- Giá phụ thuộc doanh thu sau này.
- Giá phụ thuộc kết quả kinh doanh.
- Giá chưa xác định tại thời điểm nhập khẩu.

4. Không có khoản lợi nhuận phải hoàn trả cho người bán

Nếu người mua phải chia lại lợi nhuận cho người bán thì khoản này phải được xem xét điều chỉnh khi xác định trị giá hải quan.

5. Quan hệ đặc biệt không ảnh hưởng đến giá

Người mua và người bán có thể là:

- Công ty mẹ – công ty con.
- Công ty liên kết.
- Doanh nghiệp cùng tập đoàn.

Tuy nhiên, doanh nghiệp phải chứng minh được rằng quan hệ này **không làm thay đổi giá giao dịch**.

Cách xác định trị giá giao dịch

Trị giá hải quan được xác định theo nguyên tắc:

Trị giá hải quan = Giá thực tế đã thanh toán hoặc sẽ phải thanh toán + Các khoản phải cộng – Các khoản được trừ (nếu có).

Các khoản điều chỉnh đã được trình bày ở Mục III.

Ưu điểm

- Phản ánh đúng giá giao dịch thực tế.
- Đơn giản, dễ áp dụng.
- Phù hợp với hoạt động thương mại.
- Được áp dụng trong đa số trường hợp nhập khẩu.

Hạn chế

Không áp dụng được khi:

- Không xác định được giá mua.
- Hợp đồng có điều kiện đặc biệt.
- Không đủ chứng từ.
- Có dấu hiệu gian lận giá.

Ví dụ 1:

Doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị:

- Giá CIF: 80.000 USD

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

- Không phát sinh khoản điều chỉnh.

Trị giá hải quan: **80.000 USD**

Ví dụ 2:

Giá FOB: 100.000 USD

Freight: 3.000 USD

Insurance: 500 USD

Trị giá hải quan: 100.000 + 3.000 + 500 = **103.500 USD**

2. Phương pháp 2 – Trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt

Nếu **không thể áp dụng Phương pháp 1**, cơ quan hải quan sẽ xem xét **trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt**.

Đây là phương pháp sử dụng trị giá của một lô hàng khác đã được chấp nhận trước đó để làm căn cứ xác định trị giá hải quan.

Hàng hóa giống hệt là gì?

Hàng hóa giống hệt là hàng hóa:

- Giống nhau về đặc tính vật lý.
- Giống nhau về chất lượng.
- Giống nhau về uy tín thương mại.
- Cùng nước sản xuất.
- Cùng nhà sản xuất (trong trường hợp có thể xác định).

Sự khác biệt nhỏ về hình thức bên ngoài nhưng không ảnh hưởng đến bản chất của hàng hóa vẫn có thể được coi là giống hệt.

Điều kiện áp dụng

Phương pháp này được áp dụng khi:

- Không áp dụng được phương pháp trị giá giao dịch.
- Có dữ liệu về hàng hóa giống hệt.
- Hàng hóa được nhập khẩu trong khoảng thời gian phù hợp theo quy định.
- Điều kiện giao dịch tương đương hoặc đã được điều chỉnh hợp lý.

Những yếu tố cần so sánh

Khi lựa chọn hàng hóa giống hệt phải xem xét:

- Tên hàng.
- Mã HS.
- Xuất xứ.
- Nhà sản xuất.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

- Chất lượng.
- Quy cách kỹ thuật.
- Điều kiện giao hàng.
- Số lượng.
- Thời điểm nhập khẩu.

Điều chỉnh khi có khác biệt

Nếu có khác biệt về:

- Chi phí vận chuyển.
- Điều kiện Incoterms.
- Số lượng.
- Cấp độ thương mại.

Thì phải điều chỉnh hợp lý trước khi sử dụng trị giá làm căn cứ xác định trị giá hải quan.

Ưu điểm

- Dễ xác định khi có dữ liệu.
- Độ chính xác cao.
- Hạn chế gian lận giá.

Hạn chế

- Khó tìm được hàng hóa hoàn toàn giống hệt.
- Không phải ngành hàng nào cũng có dữ liệu so sánh.
- Phải có thông tin đáng tin cậy từ các giao dịch trước.

Ví dụ

Doanh nghiệp A nhập khẩu 1.000 chiếc máy bơm nước.

Do không đủ điều kiện áp dụng trị giá giao dịch, cơ quan hải quan xác định trước đó đã có doanh nghiệp khác nhập khẩu:

- Cùng nhà sản xuất.
- Cùng model.
- Cùng xuất xứ Nhật Bản.
- Cùng thời điểm nhập khẩu.

Trị giá giao dịch của lô hàng này là: 120 USD/chiếc.

Sau khi điều chỉnh các yếu tố khác biệt (nếu có), cơ quan hải quan có thể sử dụng mức giá này để xác định trị giá hải quan cho lô hàng của doanh nghiệp A.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

3. Phương pháp 3 – Trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự

Nếu **không áp dụng được Phương pháp 1 và Phương pháp 2**, cơ quan hải quan sẽ áp dụng **trị giá giao dịch của hàng hóa tương tự**.

Đây là phương pháp sử dụng trị giá của hàng hóa không hoàn toàn giống nhưng có đặc điểm và chức năng tương đương để xác định trị giá hải quan.

Hàng hóa tương tự là gì?

Hàng hóa tương tự là hàng hóa:

- Không hoàn toàn giống nhau.
- Có thành phần vật chất gần giống.
- Có chức năng sử dụng giống nhau.
- Có chất lượng tương đương.
- Có khả năng thay thế cho nhau trong thương mại.

Điều kiện áp dụng

Hàng hóa tương tự phải:

- Cùng nước sản xuất.
- Có đặc tính kỹ thuật tương đương.
- Có chất lượng tương đương.
- Có uy tín thương mại tương đương.
- Được nhập khẩu trong khoảng thời gian phù hợp.
- Có điều kiện giao dịch tương tự hoặc đã được điều chỉnh.

Các yếu tố cần xem xét

Khi xác định hàng hóa tương tự cần đánh giá:

- Công dụng.
- Chất lượng.
- Thành phần.
- Công nghệ sản xuất.
- Uy tín thương hiệu.
- Giá trị sử dụng.
- Khả năng thay thế trên thị trường.

Điều chỉnh khác biệt

Nếu có khác biệt về:

- Chi phí vận chuyển.
- Điều kiện giao hàng.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

- Số lượng.
- Cấp độ thương mại.

Thì phải điều chỉnh trước khi sử dụng trị giá.

Ưu điểm

- Có phạm vi áp dụng rộng hơn hàng hóa giống hệt.
- Phù hợp khi không có dữ liệu về hàng hóa giống hệt.
- Góp phần bảo đảm việc xác định trị giá hải quan không bị gián đoạn.

Hạn chế

- Việc đánh giá tính tương tự có thể phức tạp.
- Đòi hỏi cơ quan hải quan phải phân tích kỹ các đặc tính của hàng hóa.
- Dễ phát sinh ý kiến khác nhau giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan nếu tiêu chí so sánh không rõ ràng.

Ví dụ

Doanh nghiệp nhập khẩu máy điều hòa không khí Model A của hãng X.

Không có dữ liệu về Model A đã nhập khẩu trước đó.

Cơ quan hải quan xác định Model B của cùng hãng:

- Công suất tương đương.
- Công nghệ tương đương.
- Chức năng sử dụng giống nhau.
- Chất lượng và uy tín thương mại tương đương.

Sau khi điều chỉnh các yếu tố khác biệt (nếu có), trị giá giao dịch của Model B có thể được sử dụng làm căn cứ xác định trị giá hải quan cho Model A.

4. Phương pháp 4 – Phương pháp khấu trừ

Nếu không thể xác định trị giá hải quan theo ba phương pháp đầu tiên, cơ quan hải quan sẽ xem xét **phương pháp khấu trừ**.

Phương pháp này xác định trị giá hải quan dựa trên **giá bán của hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu giống hệt, tương tự tại thị trường Việt Nam**, sau đó trừ đi các khoản chi phí hợp lý để xác định giá trị của hàng hóa tại thời điểm nhập khẩu.

Nói đơn giản, phương pháp này đi theo hướng **từ giá bán trong nước suy ngược lại trị giá nhập khẩu**.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

Nguyên tắc xác định

Giá bán trong nước được sử dụng phải là:

- Giá bán cho người mua đầu tiên không có quan hệ đặc biệt với người bán.
- Giá bán với số lượng lớn nhất.
- Giá bán diễn ra trong khoảng thời gian gần nhất sau khi nhập khẩu.

Sau đó trừ đi các khoản chi phí theo quy định để xác định trị giá hải quan.

Các khoản được khấu trừ

Thông thường bao gồm:

- Hoa hồng bán hàng hoặc lợi nhuận của nhà nhập khẩu.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí vận chuyển nội địa.
- Chi phí bảo hiểm trong nước.
- Chi phí lưu kho.
- Chi phí bốc xếp sau nhập khẩu.
- Thuế nhập khẩu.
- Thuế giá trị gia tăng.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).
- Các khoản thuế, phí phải nộp tại Việt Nam.

Điều kiện áp dụng

Phương pháp khấu trừ được áp dụng khi:

- Không áp dụng được ba phương pháp trước.
- Hàng hóa đã được bán tại Việt Nam.
- Có đầy đủ dữ liệu về giá bán và các khoản chi phí phát sinh.

Ưu điểm

- Có thể áp dụng khi không xác định được giá mua.
- Phù hợp với hàng hóa đã tiêu thụ tại Việt Nam.
- Dễ kiểm chứng thông qua sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

Hạn chế

- Phụ thuộc vào dữ liệu bán hàng trong nước.
- Khó áp dụng nếu hàng chưa được bán.
- Cần nhiều chứng từ kế toán và tài liệu chứng minh.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

Ví dụ

Một doanh nghiệp nhập khẩu máy móc và bán tại Việt Nam với giá:

1.500 USD/chiếc

Các khoản chi phí sau nhập khẩu:

- Thuế nhập khẩu: 120 USD
- Thuế VAT: 150 USD
- Chi phí vận chuyển nội địa: 30 USD
- Chi phí bán hàng và lợi nhuận: 200 USD

Trị giá hải quan được xác định bằng cách lấy **1.500 USD** trừ đi các khoản chi phí hợp lệ theo quy định để suy ra giá trị hàng hóa tại cửa khẩu nhập.

5. Phương pháp 5 – Phương pháp tính toán

Phương pháp tính toán xác định trị giá hải quan dựa trên **chi phí thực tế để sản xuất ra hàng hóa nhập khẩu**, cộng với lợi nhuận và các chi phí hợp lý khác.

Đây là phương pháp yêu cầu nhiều thông tin từ nhà sản xuất nước ngoài nên trên thực tế được áp dụng không nhiều.

Các yếu tố cấu thành trị giá

Trị giá tính toán thường bao gồm:

1. Chi phí nguyên vật liệu

Ví dụ:

- Thép
- Nhựa
- Linh kiện điện tử
- Gỗ
- Vải

2. Chi phí sản xuất

Bao gồm:

- Nhân công.
- Điện nước.
- Khấu hao máy móc.
- Chi phí sản xuất chung.

3. Lợi nhuận của nhà sản xuất

Là mức lợi nhuận thông thường của doanh nghiệp sản xuất hàng hóa cùng loại.

4. Chi phí vận chuyển

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

Chi phí vận chuyển quốc tế.

5. Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm quốc tế (nếu thuộc khoản phải cộng theo quy định).

Điều kiện áp dụng

Phương pháp này chỉ áp dụng khi:

- Không áp dụng được bốn phương pháp trước.
- Nhà sản xuất cung cấp đầy đủ số liệu chi phí.
- Cơ quan hải quan có căn cứ kiểm tra tính chính xác của số liệu.

Ưu điểm

- Phản ánh khá chính xác giá trị thực tế của hàng hóa.
- Phù hợp với các giao dịch đặc biệt hoặc sản xuất theo đơn đặt hàng.

Hạn chế

- Khó thu thập số liệu.
- Nhà sản xuất thường không muốn cung cấp thông tin về giá thành.
- Thời gian xác định trị giá kéo dài.

Ví dụ

Nhà sản xuất cung cấp thông tin:

- Nguyên vật liệu: 45.000 USD
- Nhân công và chi phí sản xuất: 15.000 USD
- Lợi nhuận: 8.000 USD
- Vận chuyển: 2.000 USD
- Bảo hiểm: 500 USD

Trị giá tính toán: 45.000 + 15.000 + 8.000 + 2.000 + 500 = **70.500 USD**

6. Phương pháp 6 – Phương pháp suy luận

Đây là **phương pháp cuối cùng** trong sáu phương pháp xác định trị giá hải quan.

Chỉ được áp dụng khi **không thể xác định trị giá theo cả năm phương pháp trước**.

Phương pháp suy luận sử dụng linh hoạt các nguyên tắc của năm phương pháp đầu nhưng vẫn phải phù hợp với Hiệp định Trị giá Hải quan của WTO và pháp luật Việt Nam.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

Nguyên tắc áp dụng

Việc xác định trị giá phải dựa trên:

- Dữ liệu khách quan.
- Thông tin có thể kiểm chứng.
- Hồ sơ hợp pháp.
- Các nguyên tắc của năm phương pháp trước.

Không được xác định trị giá một cách tùy tiện hoặc áp đặt.

Không được sử dụng

Pháp luật không cho phép sử dụng các căn cứ sau để xác định trị giá hải quan:

- Giá bán hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.
- Giá bán cao nhất trong nhiều mức giá.
- Giá nội địa của nước xuất khẩu.
- Giá hàng hóa xuất khẩu sang nước thứ ba.
- Giá tối thiểu do cơ quan hải quan tự đặt ra.
- Giá xác định một cách tùy tiện hoặc không có căn cứ.

Khi nào áp dụng?

Ví dụ:

- Hàng hóa là thiết bị chuyên dụng được sản xuất theo đơn đặt hàng riêng.
- Không có hàng hóa giống hệt.
- Không có hàng hóa tương tự.
- Không bán tại Việt Nam.
- Không có dữ liệu về chi phí sản xuất.

Khi đó cơ quan hải quan sẽ sử dụng phương pháp suy luận trên cơ sở các thông tin hợp pháp hiện có.

Ưu điểm

- Giải quyết được những trường hợp đặc biệt.
- Bảo đảm mọi lô hàng đều có thể xác định trị giá.

Hạn chế

- Đòi hỏi chuyên môn cao.
- Dễ phát sinh tranh luận nếu dữ liệu chưa đầy đủ.
- Cần giải trình và chứng minh nhiều hơn so với các phương pháp khác.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

7. Trình tự áp dụng các phương pháp

Nguyên tắc chung

06 phương pháp phải được áp dụng **theo đúng trình tự**.

Không được tự ý lựa chọn phương pháp thuận lợi hơn.

Chỉ khi phương pháp trước **không đủ điều kiện áp dụng** mới được chuyển sang phương pháp tiếp theo.

Thứ tự áp dụng

Phương pháp 1

Trị giá giao dịch

↓

Phương pháp 2

Trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt

↓

Phương pháp 3

Trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự

↓

Phương pháp 4

Phương pháp khấu trừ

↓

Phương pháp 5

Phương pháp tính toán

↓

Phương pháp 6

Phương pháp suy luận

Lưu ý đối với phương pháp 4 và phương pháp 5

Theo quy định của pháp luật hải quan, **người khai hải quan có thể đề nghị được áp dụng Phương pháp 5 trước Phương pháp 4** nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định và được cơ quan hải quan chấp nhận. Đây là ngoại lệ duy nhất về trình tự giữa hai phương pháp này.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

Thứ tự	Phương pháp	Cơ sở xác định
1	Trị giá giao dịch	Giá thực tế đã thanh toán hoặc sẽ phải thanh toán
2	Hàng hóa giống hệt	Trị giá giao dịch của hàng hóa giống hệt
3	Hàng hóa tương tự	Trị giá giao dịch của hàng hóa tương tự
4	Khấu trừ	Giá bán tại Việt Nam sau khi trừ các khoản hợp lệ
5	Tính toán	Chi phí sản xuất cộng lợi nhuận và các chi phí hợp lý
6	Suy luận	Áp dụng linh hoạt các nguyên tắc của năm phương pháp trước



Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

V. TRỊ GIÁ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG XUẤT KHẨU

1. Khái niệm

Trị giá hải quan đối với hàng xuất khẩu là **giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất của Việt Nam**, không bao gồm các khoản chi phí phát sinh sau khi hàng hóa đã qua khu vực giám sát hải quan.

Khác với hàng nhập khẩu, trị giá hải quan của hàng xuất khẩu chủ yếu được sử dụng để:

- Làm căn cứ tính thuế xuất khẩu (đối với hàng hóa thuộc diện chịu thuế).
- Phục vụ công tác thống kê thương mại.
- Quản lý nhà nước về hải quan.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động xuất khẩu.

Mục đích xác định trị giá hải quan

Việc xác định đúng trị giá hải quan nhằm:

- Xác định đúng số thuế xuất khẩu phải nộp.
- Phản ánh đúng giá trị hàng hóa xuất khẩu.
- Chống gian lận thương mại và chuyển giá.
- Phục vụ thống kê kim ngạch xuất khẩu.
- Bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động thương mại quốc tế.

Đặc điểm

Trị giá hải quan của hàng xuất khẩu có một số đặc điểm:

- Dựa trên giá bán thực tế của hàng hóa.
- Xác định tại cửa khẩu xuất.
- Phải có đầy đủ chứng từ chứng minh.
- Được xác định theo quy định của pháp luật hải quan.

2. Nguyên tắc xác định

Việc xác định trị giá hải quan đối với hàng xuất khẩu phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1. Dựa trên giá bán thực tế

Giá bán phải là giá ghi trong hợp đồng ngoại thương và hóa đơn thương mại, phản ánh đúng giá trị giao dịch giữa người bán và người mua.

Doanh nghiệp không được khai giá thấp hơn thực tế nhằm giảm số thuế phải nộp hoặc khai giá cao bất hợp lý để phục vụ các mục đích không đúng quy định.

Nguyên tắc 2. Phù hợp với chứng từ

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Giá khai báo phải thống nhất với:

- Hợp đồng ngoại thương.
- Commercial Invoice.
- Packing List.
- Vận đơn.
- Chứng từ thanh toán.
- Các tài liệu liên quan khác.

Nếu có sự khác biệt giữa các chứng từ, doanh nghiệp phải giải trình và cung cấp tài liệu chứng minh.

Nguyên tắc 3. Phản ánh giá tại cửa khẩu xuất

Trị giá hải quan chỉ tính đến thời điểm hàng hóa được đưa đến cửa khẩu xuất của Việt Nam.

Các chi phí phát sinh sau thời điểm này thường không thuộc trị giá hải quan nếu được tách riêng và đáp ứng điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc 4. Khách quan và trung thực

Người khai hải quan phải:

- Kê khai đúng giá bán.
- Không che giấu thông tin.
- Không sử dụng chứng từ giả.
- Không khai sai trị giá.

Việc khai báo không trung thực có thể dẫn đến:

- Truy thu thuế.
- Xử phạt vi phạm hành chính.
- Bị kiểm tra sau thông quan.
- Bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Nguyên tắc 5. Có căn cứ pháp lý

Mọi khoản điều chỉnh trị giá hải quan phải dựa trên:

- Luật Hải quan.
- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- Các nghị định.
- Các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

3. Giá bán tại cửa khẩu xuất

Giá bán tại cửa khẩu xuất là giá trị của hàng hóa tại thời điểm hàng được giao đến cửa khẩu xuất của Việt Nam trước khi rời lãnh thổ Việt Nam.

Đây là cơ sở quan trọng để xác định trị giá hải quan đối với hàng xuất khẩu.

Các yếu tố cấu thành

Thông thường giá bán tại cửa khẩu xuất bao gồm:

- Giá trị hàng hóa.
- Chi phí vận chuyển đến cửa khẩu xuất.
- Chi phí bốc xếp trước khi xuất khẩu (nếu thuộc trách nhiệm của người bán).
- Chi phí đóng gói.
- Chi phí bao bì.
- Các chi phí hợp lý khác phát sinh trước cửa khẩu xuất.

Mối quan hệ với Incoterms

Điều kiện giao hàng ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán tại cửa khẩu xuất.

Ví dụ:

EXW

Người mua chịu hầu hết chi phí vận chuyển.

Doanh nghiệp cần xác định lại giá tại cửa khẩu xuất.

FCA

Giá đã bao gồm chi phí giao hàng cho người chuyên chở tại địa điểm quy định.

FOB

Giá FOB thường phản ánh giá hàng hóa khi đã được giao lên tàu tại cảng xuất.

Đây là điều kiện thường gặp khi xuất khẩu bằng đường biển.

CIF

Giá CIF đã bao gồm:

- Giá hàng.
- Cước vận chuyển quốc tế.
- Bảo hiểm quốc tế.

Trong trường hợp cần xác định trị giá hải quan đối với hàng xuất khẩu, các khoản chi phí quốc tế phát sinh sau cửa khẩu xuất phải được xem xét theo quy định để xác định đúng trị giá.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Ví dụ

Doanh nghiệp xuất khẩu cà phê:

- Giá FOB: 1.200 USD/tấn.
- Số lượng: 100 tấn.

Giá bán tại cửa khẩu xuất: 1.200 × 100 = **120.000 USD**

4. Các khoản điều chỉnh

Trong quá trình xác định trị giá hải quan, có những khoản cần điều chỉnh để phản ánh đúng giá trị hàng hóa tại cửa khẩu xuất.

Các khoản có thể được cộng

Trong một số trường hợp, nếu chưa được tính trong giá bán, có thể phải xem xét cộng các khoản như:

- Chi phí đóng gói.
- Chi phí bao bì.
- Chi phí vận chuyển đến cửa khẩu xuất.
- Chi phí bốc xếp trước cửa khẩu xuất.
- Các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa hàng đến cửa khẩu xuất theo quy định của pháp luật.

Việc cộng các khoản này phải dựa trên chứng từ hợp pháp và tuân thủ quy định hiện hành.

Các khoản không tính vào trị giá hải quan

Thông thường không bao gồm:

- Cước vận chuyển quốc tế sau khi hàng rời Việt Nam.
- Phí bảo hiểm quốc tế sau cửa khẩu xuất.
- Chi phí phát sinh tại nước nhập khẩu.
- Thuế nhập khẩu của nước nhập khẩu.
- Chi phí lưu kho ở nước ngoài.
- Chi phí phân phối hàng hóa tại nước ngoài.

Nếu các khoản này được tách riêng và có chứng từ chứng minh thì không tính vào trị giá hải quan của hàng xuất khẩu.

Yêu cầu về chứng từ

Các khoản điều chỉnh phải có đầy đủ:

- Hợp đồng.
- Hóa đơn.
- Chứng từ thanh toán.
- Hợp đồng vận chuyển.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

- Chứng từ logistics.
- Các tài liệu liên quan khác.

5. Ví dụ thực tế

Ví dụ 1. Xuất khẩu theo điều kiện FOB

Doanh nghiệp xuất khẩu gạo:

- Giá FOB: 520 USD/tấn.
- Số lượng: 500 tấn.

Trị giá hải quan: 520 × 500 = **260.000 USD**

Ví dụ 2. Xuất khẩu theo điều kiện CIF

Doanh nghiệp xuất khẩu hạt điều:

- Giá CIF: 150.000 USD.

Trong giá CIF gồm:

- Giá hàng: 140.000 USD.
- Cước vận chuyển quốc tế: 8.000 USD.
- Bảo hiểm quốc tế: 2.000 USD.

Khi xác định trị giá hải quan đối với hàng xuất khẩu, doanh nghiệp cần căn cứ quy định hiện hành để xác định giá trị tính đến cửa khẩu xuất; các khoản chi phí quốc tế sau cửa khẩu xuất nếu được tách riêng và đáp ứng điều kiện thì không tính vào trị giá hải quan.

Ví dụ 3. Xuất khẩu máy móc

Thông tin:

- Giá bán: 500.000 USD.
- Chi phí vận chuyển từ nhà máy đến cảng Hải Phòng: 3.000 USD.
- Chi phí đóng gói: 1.000 USD.
- Cước vận chuyển quốc tế: 12.000 USD.

Chi phí vận chuyển nội địa đến cửa khẩu xuất và chi phí đóng gói là các khoản liên quan đến việc đưa hàng đến cửa khẩu xuất. Cước vận chuyển quốc tế phát sinh sau cửa khẩu xuất không thuộc trị giá hải quan nếu được tách riêng theo quy định.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Ví dụ 4. Xuất khẩu khoáng sản chịu thuế xuất khẩu

Doanh nghiệp xuất khẩu quặng:

- Giá bán tại cửa khẩu xuất: 900.000 USD.
- Thuế suất thuế xuất khẩu: 10%.

Thuế xuất khẩu phải nộp: 900.000 × 10% = **90.000 USD**

Trong trường hợp này, việc xác định đúng trị giá hải quan có ý nghĩa quyết định đến số thuế xuất khẩu phải nộp.

Những sai sót thường gặp

Trong thực tế, doanh nghiệp thường mắc các lỗi sau:

- Khai nhầm điều kiện Incoterms.
- Không tách riêng cước vận chuyển quốc tế.
- Không tách riêng phí bảo hiểm quốc tế.
- Khai sai giá bán thực tế.
- Thiếu chứng từ chứng minh các khoản điều chỉnh.
- Không cập nhật quy định mới về trị giá hải quan.

Việc chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và xác định đúng trị giá sẽ giúp doanh nghiệp giảm rủi ro khi làm thủ tục hải quan và khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan.



Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

VI. CÁC KHOẢN ĐIỀU CHỈNH TRỊ GIÁ

1. Khoản cộng

Khoản cộng là **những chi phí chưa được tính vào giá thực tế đã thanh toán hoặc sẽ phải thanh toán nhưng theo quy định của pháp luật phải cộng vào để xác định trị giá hải quan**.

Mục đích của việc cộng các khoản này là bảo đảm trị giá hải quan phản ánh đầy đủ giá trị thực tế của hàng hóa tại thời điểm nhập khẩu.

Nguyên tắc xác định khoản cộng

Một khoản chi phí chỉ được cộng vào trị giá hải quan khi:

- Liên quan trực tiếp đến hàng hóa nhập khẩu.
- Do người mua phải chịu.
- Chưa được tính trong giá mua.
- Có chứng từ hợp pháp chứng minh.

1.1. Hoa hồng môi giới

Hoa hồng môi giới là khoản tiền người mua trả cho bên môi giới để thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa.

Lưu ý:

- Hoa hồng bán hàng (Selling Commission) có thể phải cộng vào trị giá hải quan nếu đáp ứng điều kiện theo quy định.
- Hoa hồng mua hàng (Buying Commission) được xử lý theo quy định riêng và không mặc nhiên được cộng vào trị giá hải quan.

Ví dụ

Giá hàng: 100.000 USD

Hoa hồng môi giới: 2.500 USD

Nếu khoản này chưa có trong giá mua và đáp ứng điều kiện pháp luật thì trị giá hải quan được xác định là: 100.000 + 2.500 = **102.500 USD**

1.2. Chi phí bao bì

Bao bì dùng để chứa hoặc bảo quản hàng hóa khi xuất khẩu được coi là một bộ phận của hàng hóa.

Ví dụ:

- Thùng carton.
- Thùng gỗ.
- Bao PP.
- Thùng kim loại.
- Bình chứa chuyên dụng.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

Nếu chi phí bao bì chưa được tính trong giá mua thì phải xem xét cộng vào trị giá hải quan.

1.3. Chi phí đóng gói

Bao gồm:

- Tiền công đóng gói.
- Vật liệu đóng gói.
- Chi phí kiểm tra trong quá trình đóng gói.

Ví dụ:

Chi phí đóng gói: 800 USD

Nếu hóa đơn thương mại chưa bao gồm khoản này thì khoản chi phí có thể được cộng vào trị giá hải quan theo quy định.

1.4. Tiền bản quyền (Royalty)

Royalty là khoản tiền người mua phải trả để được:

- Sử dụng nhãn hiệu.
- Sử dụng sáng chế.
- Quyền sản xuất.
- Quyền phân phối.
- Bí quyết công nghệ.
- Quyền sử dụng phần mềm gắn với hàng hóa.

Khoản tiền bản quyền được cộng vào trị giá hải quan nếu:

- Liên quan trực tiếp đến hàng hóa nhập khẩu.
- Là điều kiện của giao dịch mua bán.
- Chưa được tính trong giá mua.

Ví dụ

Doanh nghiệp nhập khẩu giày thể thao.

Giá CIF: 80.000 USD

Tiền bản quyền thương hiệu: 5.000 USD

Nếu khoản phí này đáp ứng các điều kiện theo quy định thì:

Trị giá hải quan: 80.000 + 5.000 = **85.000 USD**

1.5. Giá trị hỗ trợ (Assist)

Assist là giá trị của hàng hóa hoặc dịch vụ do người mua cung cấp miễn phí hoặc với giá ưu đãi cho người bán để sản xuất hàng hóa nhập khẩu.

Ví dụ:

- Khuôn mẫu.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

- Thiết kế kỹ thuật.
- Nguyên vật liệu.
- Linh kiện.
- Máy móc chuyên dùng.
- Công cụ sản xuất.

Giá trị hỗ trợ phải được phân bổ hợp lý cho hàng hóa nhập khẩu theo quy định.

Ví dụ

Doanh nghiệp Việt Nam cung cấp khuôn mẫu trị giá: 30.000 USD

Nhà sản xuất sử dụng khuôn để sản xuất: 10.000 sản phẩm.

Lô hàng nhập khẩu gồm: 2.000 sản phẩm.

Giá trị hỗ trợ phân bổ cho lô hàng:

30.000 × 2.000 ÷ 10.000 = **6.000 USD**

Khoản 6.000 USD được xem xét cộng vào trị giá hải quan nếu đáp ứng điều kiện theo quy định.

1.6. Phí vận chuyển (Freight)

Là chi phí vận chuyển quốc tế đến cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam.

Ví dụ: Giá FOB: 150.000 USD

Freight: 4.000 USD

Nếu chưa có trong giá mua thì khoản này được xem xét cộng vào trị giá hải quan.

1.7. Phí bảo hiểm (Insurance)

Nếu người mua phải mua bảo hiểm quốc tế và khoản phí này chưa được tính trong giá mua thì có thể phải cộng vào trị giá hải quan.

Ví dụ: Insurance: 700 USD

1.8. Các khoản khác theo quy định

Một số khoản khác có thể được xem xét cộng nếu đáp ứng điều kiện, chẳng hạn:

- Khoản tiền người mua phải trả gián tiếp cho người bán liên quan đến hàng hóa nhập khẩu.
- Khoản thu từ việc bán lại, định đoạt hoặc sử dụng hàng hóa sau nhập khẩu mà người bán được hưởng nhưng chưa được tính trong giá mua.

Việc cộng các khoản này phải căn cứ vào quy định pháp luật và hồ sơ của từng giao dịch.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

2. Khoản trừ

Khoản trừ là những chi phí không thuộc trị giá hải quan và được loại trừ nếu:

- Được tách riêng trên chứng từ.
- Có căn cứ chứng minh.
- Đáp ứng quy định của pháp luật.

2.1. Chi phí phát sinh sau nhập khẩu

Ví dụ:

- Lắp đặt.
- Chạy thử.
- Bảo trì.
- Đào tạo vận hành.
- Sửa chữa sau nhập khẩu.

Nếu được tách riêng trên hợp đồng hoặc hóa đơn thì các khoản này không tính vào trị giá hải quan.

2.2. Chi phí vận chuyển nội địa

Ví dụ:

Hàng từ cảng Hải Phòng vận chuyển về Hà Nội.

Chi phí này phát sinh sau khi hàng đã nhập khẩu nên không thuộc trị giá hải quan.

2.3. Thuế và lệ phí tại Việt Nam

Bao gồm:

- Thuế nhập khẩu.
- Thuế VAT.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Thuế bảo vệ môi trường.
- Lệ phí hải quan.

Các khoản này không được cộng vào trị giá hải quan vì chúng được xác định sau khi trị giá hải quan đã được tính.

2.4. Khoản giảm giá hợp pháp

Trong trường hợp khoản giảm giá được thỏa thuận rõ ràng trong hợp đồng, thể hiện trên chứng từ và đáp ứng quy định pháp luật, doanh nghiệp có thể được xem xét khi xác định trị giá hải quan.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

2.5. Lãi trả chậm

Đối với giao dịch mua bán trả chậm, khoản lãi trả chậm có thể không tính vào trị giá hải quan nếu được tách riêng, có thỏa thuận bằng văn bản và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

3. Điều kiện được điều chỉnh

Không phải mọi khoản chi phí đều được cộng hoặc trừ.

Một khoản điều chỉnh chỉ được chấp nhận khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Điều kiện 1. Có căn cứ pháp lý

Khoản điều chỉnh phải thuộc trường hợp được pháp luật quy định.

Điều kiện 2. Có chứng từ hợp pháp

Doanh nghiệp phải xuất trình được:

- Hợp đồng.
- Hóa đơn.
- Chứng từ thanh toán.
- Hợp đồng vận chuyển.
- Chứng từ bảo hiểm.
- Chứng từ liên quan khác.

Điều kiện 3. Xác định được giá trị

Khoản điều chỉnh phải xác định được bằng tiền hoặc có phương pháp phân bổ hợp lý.

Điều kiện 4. Liên quan trực tiếp đến hàng hóa nhập khẩu

Khoản chi phí phải phát sinh từ giao dịch mua bán hoặc quá trình đưa hàng đến cửa khẩu nhập đầu tiên.

Điều kiện 5. Chưa được tính trong giá mua

Nếu khoản chi phí đã được tính trong giá thực tế đã thanh toán thì không được cộng thêm lần nữa.

4. Chứng từ chứng minh

Việc điều chỉnh trị giá hải quan phải được chứng minh bằng các chứng từ hợp pháp.

Các chứng từ thường gặp gồm:

Hợp đồng ngoại thương

Chứng minh:

- Điều kiện giao hàng.
- Giá bán.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

- Điều khoản thanh toán.
- Điều khoản bản quyền.
- Điều khoản hỗ trợ.

Commercial Invoice

Thể hiện:

- Giá mua.
- Điều kiện Incoterms.
- Đồng tiền thanh toán.

Packing List

Xác định:

- Quy cách hàng hóa.
- Số lượng.
- Bao bì.

Bill of Lading hoặc Air Waybill

Chứng minh:

- Cảng đi.
- Cảng đến.
- Tuyến vận chuyển.
- Người gửi.
- Người nhận.

Insurance Certificate

Chứng minh:

- Giá trị bảo hiểm.
- Mức phí bảo hiểm.
- Điều kiện bảo hiểm.

Chứng từ thanh toán

Ví dụ:

- Swift MT103.
- Điện chuyển tiền.
- Giấy báo Có.
- Chứng từ thanh toán L/C.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Hợp đồng môi giới

Dùng để chứng minh khoản hoa hồng môi giới nếu phát sinh.

Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng cấp quyền

Chứng minh khoản tiền bản quyền (Royalty) khi có liên quan đến hàng hóa nhập khẩu.

Hồ sơ về khoản trợ giúp

Ví dụ:

- Hợp đồng cung cấp khuôn mẫu.
- Biên bản bàn giao.
- Chứng từ mua khuôn.
- Hồ sơ phân bổ chi phí.

5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1. Điều kiện FOB

Thông tin:

- Giá FOB: 120.000 USD
- Freight: 3.500 USD
- Insurance: 500 USD

Trị giá hải quan: 120.000 + 3.500 + 500 = **124.000 USD**

Ví dụ 2. Có Royalty

Thông tin:

- Giá CIF: 200.000 USD
- Royalty: 8.000 USD (đáp ứng điều kiện phải cộng)

Trị giá hải quan: 200.000 + 8.000 = **208.000 USD**

Ví dụ 3. Có Assist

Thông tin:

- Giá CIF: 150.000 USD
- Giá trị Assist phân bổ: 10.000 USD

Trị giá hải quan: 150.000 + 10.000 = **160.000 USD**

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Ví dụ 4. Có chi phí lắp đặt sau nhập khẩu

Thông tin:

- Giá CIF: 300.000 USD.
- Chi phí lắp đặt tại nhà máy: 15.000 USD (tách riêng trên hợp đồng và hóa đơn).

Do khoản chi phí này phát sinh sau nhập khẩu và đáp ứng điều kiện loại trừ nên **không tính vào trị giá hải quan**.

Trị giá hải quan: **300.000 USD**

Ví dụ 5. Tổng hợp nhiều khoản điều chỉnh

Thông tin:

- Giá FOB: 180.000 USD
- Freight: 5.000 USD
- Insurance: 800 USD
- Royalty: 4.000 USD
- Assist phân bổ: 6.000 USD
- Chi phí lắp đặt sau nhập khẩu: 3.000 USD (tách riêng)

Xác định trị giá hải quan:

180.000 + 5.000 + 800 + 4.000 + 6.000 = **195.800 USD**

Chi phí lắp đặt sau nhập khẩu không tính vào trị giá hải quan.

Những sai sót thường gặp

Doanh nghiệp thường gặp các sai sót sau:

- Không khai báo khoản tiền bản quyền phải cộng.
- Không phân bổ đúng giá trị Assist.
- Cộng nhầm hoa hồng mua hàng vào trị giá hải quan.
- Không tách riêng chi phí lắp đặt sau nhập khẩu.
- Khai thiếu cước vận chuyển hoặc phí bảo hiểm quốc tế.
- Thiếu chứng từ chứng minh các khoản điều chỉnh.
- Tính trùng một khoản chi phí đã bao gồm trong giá mua.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

VII. CHI PHÍ VẬN TẢI VÀ BẢO HIỂM TRONG TRỊ GIÁ HẢI QUAN

1. Freight (Cước vận chuyển quốc tế)

Freight là **chi phí vận chuyển hàng hóa từ nước xuất khẩu đến cửa khẩu nhập đầu tiên của nước nhập khẩu**.

Đây là một trong những khoản chi phí quan trọng nhất khi xác định trị giá hải quan đối với hàng nhập khẩu.

Các loại Freight

Ocean Freight

Cước vận tải đường biển.

Ví dụ:

- Container FCL
- Container LCL
- Hàng rời (Bulk Cargo)

Air Freight

Cước vận tải hàng không.

Áp dụng đối với:

- Hàng giá trị cao.
- Hàng khẩn cấp.
- Hàng dễ hư hỏng.

Rail Freight

Cước vận tải đường sắt.

Road Freight

Cước vận tải đường bộ quốc tế.

Multimodal Freight

Cước vận tải đa phương thức.

Ví dụ:

Đường bộ + đường biển.

Freight có được tính vào trị giá hải quan không?

Đối với hàng nhập khẩu:

Nếu cước vận chuyển quốc tế **chưa được tính trong giá mua**, khoản Freight đến cửa khẩu nhập đầu tiên sẽ được cộng vào trị giá hải quan theo quy định.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Ví dụ:

Giá FOB: 80.000 USD

Ocean Freight: 3.500 USD

Insurance: 500 USD

Trị giá hải quan: 80.000 + 3.500 + 500 = **84.000 USD**

Những sai sót thường gặp

- Khai thiếu Freight.
- Tính nhầm Freight nội địa vào trị giá hải quan.
- Không phân biệt Freight quốc tế và Freight trong nước.
- Cộng trùng Freight đã bao gồm trong giá CIF.

2. Insurance (Phí bảo hiểm)

Insurance là khoản chi phí người mua hoặc người bán bỏ ra để bảo hiểm hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

Mục đích của bảo hiểm:

- Bồi thường khi hàng bị mất.
- Bồi thường khi hàng bị hư hỏng.
- Giảm thiểu rủi ro trong vận tải quốc tế.

Các loại bảo hiểm

- Bảo hiểm mọi rủi ro (All Risks).
- Bảo hiểm theo điều kiện ICC (A), ICC (B), ICC (C).
- Bảo hiểm tổn thất riêng.
- Bảo hiểm chiến tranh.
- Bảo hiểm đình công.

Insurance trong trị giá hải quan

Nếu chi phí bảo hiểm quốc tế **chưa được tính trong giá mua** và thuộc trách nhiệm của người mua thì khoản phí này được xem xét cộng vào trị giá hải quan theo quy định.

Ví dụ:

Giá FOB: 120.000 USD

Insurance: 600 USD

Freight: 2.400 USD

Trị giá hải quan: 120.000 + 600 + 2.400 = **123.000 USD**

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Sai sót thường gặp

- Không cộng phí bảo hiểm khi nhập theo điều kiện FOB.
- Cộng trùng bảo hiểm đã bao gồm trong giá CIF hoặc CIP.
- Thiếu chứng từ bảo hiểm.

3. Local Charges

Local Charges là **các khoản phí phát sinh tại cảng hoặc khu vực logistics**, liên quan đến việc giao nhận hàng hóa.

Các khoản phí này có thể phát sinh:

- Tại cảng xuất.
- Tại cảng nhập.
- Tại kho CFS.
- Tại ICD.
- Tại Depot.

Một số Local Charges phổ biến

- D/O Fee (Delivery Order Fee).
- CFS Charge.
- Documentation Fee.
- Seal Fee.
- Cleaning Fee.
- Container Repair Fee.
- Storage Fee.
- Lift On/Lift Off Charge.
- Port Service Charge.

Local Charges có tính vào trị giá hải quan không?

Không phải mọi Local Charges đều được tính vào trị giá hải quan.

Việc xác định phụ thuộc vào:

- Bản chất khoản phí.
- Thời điểm phát sinh.
- Trách nhiệm chịu chi phí theo Incoterms.
- Quy định pháp luật.

Thông thường, các khoản chi phí phát sinh **sau khi hàng đến cửa khẩu nhập đầu tiên** không thuộc trị giá hải quan nếu được tách riêng và đáp ứng điều kiện theo quy định.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

4. THC (Terminal Handling Charge)

THC là **phí xếp dỡ container tại cảng**.

Khoản phí này do cảng thu để bù đắp chi phí:

- Nâng container.
- Hạ container.
- Di chuyển container trong cảng.
- Sử dụng thiết bị cảng.

THC tại cảng xuất

THC tại cảng xuất thường thuộc trách nhiệm của người bán hoặc người mua tùy theo điều kiện Incoterms.

THC tại cảng nhập

THC tại cảng nhập thường do người nhập khẩu thanh toán theo điều kiện giao hàng và thỏa thuận với hãng tàu hoặc doanh nghiệp logistics.

THC trong trị giá hải quan

Việc THC có được tính vào trị giá hải quan hay không phụ thuộc vào:

- Nội dung giá mua.
- Điều kiện giao hàng.
- Bản chất của khoản phí.
- Quy định pháp luật hiện hành.

Doanh nghiệp cần đối chiếu hợp đồng và chứng từ để xác định chính xác.

5. Handling Charge

Handling Charge là **phí xử lý hàng hóa** trong quá trình giao nhận.

Ví dụ:

- Xử lý chứng từ.
- Xử lý container.
- Xử lý hàng lẻ.
- Kiểm đếm.
- Sắp xếp hàng.

Một số loại Handling Charge

Documentation Handling Phí xử lý chứng từ.

Cargo Handling Phí xử lý hàng hóa.

Warehouse Handling Phí xử lý trong kho.

CFS Handling Phí xử lý hàng lẻ.

Handling Charge có tính vào trị giá hải quan không?

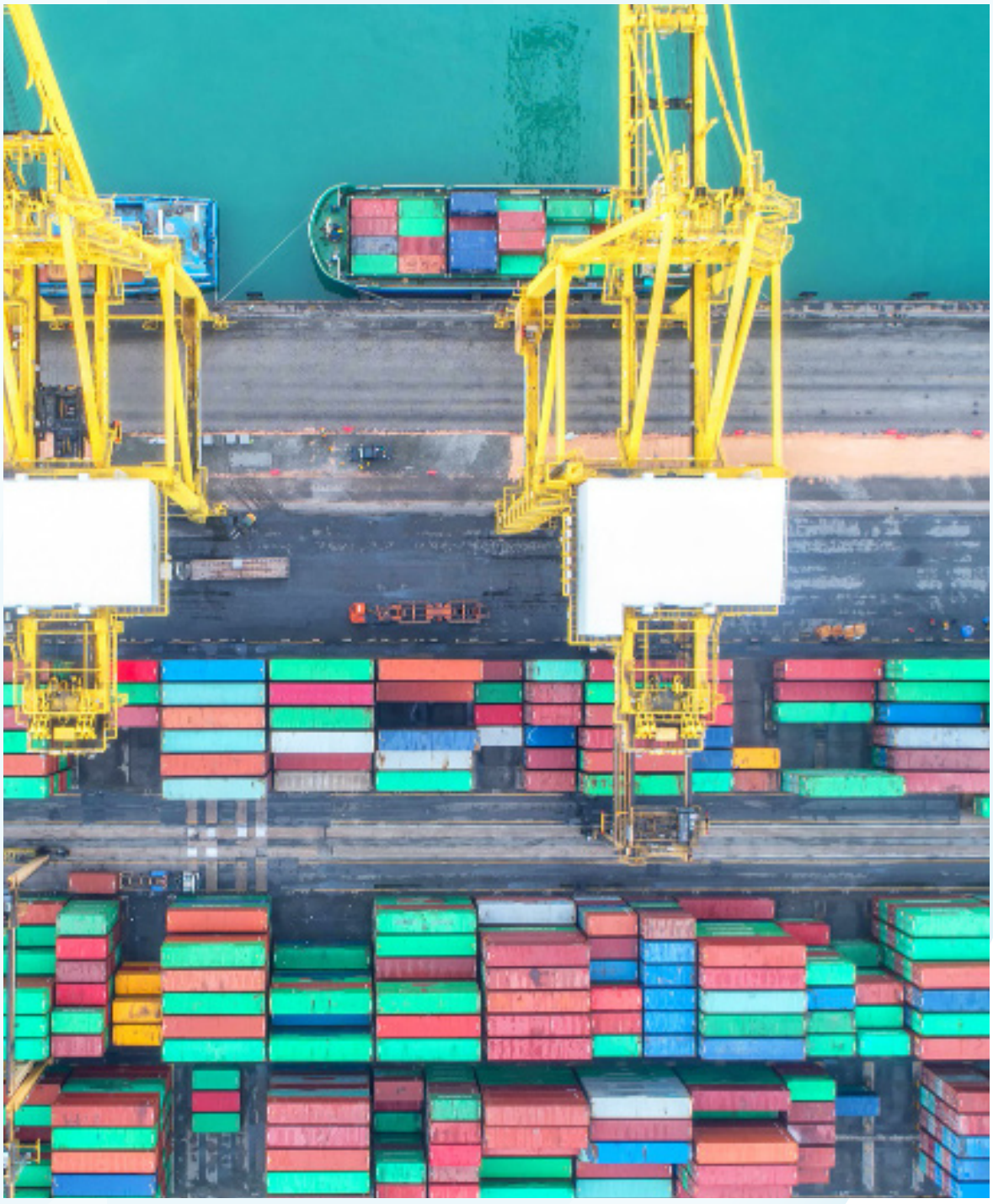
Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Việc tính vào trị giá hải quan phụ thuộc vào:

- Khoản phí phát sinh trước hay sau cửa khẩu nhập đầu tiên.
- Khoản phí đã bao gồm trong giá mua hay chưa.
- Bản chất của dịch vụ cung cấp.
- Quy định của pháp luật.

Không nên mặc định mọi khoản Handling Charge đều phải cộng vào trị giá hải quan.



Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

VIII. THAM VẤN TRỊ GIÁ HẢI QUAN

1. Khái niệm

Tham vấn trị giá hải quan là quá trình **cơ quan hải quan và người khai hải quan trao đổi, làm rõ các thông tin, chứng từ và căn cứ liên quan đến trị giá khai báo**, nhằm xác định việc khai báo trị giá có phù hợp với quy định của pháp luật hay không.

Đây không phải là hình thức xử phạt mà là một thủ tục nghiệp vụ để xác minh tính chính xác, trung thực và hợp lý của trị giá hải quan.

Mục đích của tham vấn

Việc tham vấn được thực hiện nhằm:

- Kiểm tra tính chính xác của trị giá khai báo.
- Làm rõ các khoản điều chỉnh trị giá.
- Phòng chống gian lận thương mại và gian lận thuế.
- Chống khai báo giá thấp để trốn thuế.
- Bảo đảm thu đúng, thu đủ ngân sách nhà nước.

Ý nghĩa đối với doanh nghiệp

Nếu chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và giải trình hợp lý, doanh nghiệp có thể:

- Được chấp nhận trị giá đã khai báo.
- Thông quan thuận lợi.
- Hạn chế tranh chấp với cơ quan hải quan.
- Giảm nguy cơ bị ấn định trị giá và truy thu thuế.

2. Trường hợp bị tham vấn

Không phải mọi lô hàng đều bị tham vấn trị giá. Việc tham vấn thường được thực hiện khi có căn cứ nghi ngờ về tính chính xác của trị giá khai báo.

1. Giá khai báo thấp bất thường

Ví dụ:

- Giá khai báo thấp hơn đáng kể so với các giao dịch tương tự.
- Giá thấp hơn mức thông thường của thị trường mà không có giải trình hợp lý.

2. Có nghi ngờ về chứng từ

Ví dụ:

- Hóa đơn thương mại có dấu hiệu bất thường.
- Hợp đồng và hóa đơn không thống nhất.
- Chứng từ thanh toán không phù hợp với giá khai báo.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

3. Có quan hệ đặc biệt giữa người mua và người bán

Ví dụ:

- Công ty mẹ và công ty con.
- Các doanh nghiệp trong cùng tập đoàn.
- Các bên có quan hệ liên kết.

Trong trường hợp này, doanh nghiệp có thể phải chứng minh rằng quan hệ đặc biệt không làm ảnh hưởng đến giá giao dịch.

4. Chưa khai đầy đủ các khoản điều chỉnh

Ví dụ:

- Không khai tiền bản quyền (Royalty).
- Không khai giá trị hỗ trợ (Assist).
- Không khai cước vận chuyển quốc tế hoặc bảo hiểm khi cần phải cộng.

5. Hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn

Ví dụ:

- Thiếu hợp đồng ngoại thương.
- Thiếu chứng từ thanh toán.
- Thiếu hợp đồng cấp quyền.
- Thiếu hợp đồng vận chuyển.
- Thông tin giữa các chứng từ không thống nhất.

6. Theo phân tích rủi ro

Cơ quan hải quan có thể lựa chọn tham vấn đối với các lô hàng thuộc nhóm rủi ro cao, như:

- Mặt hàng có giá biến động lớn.
- Hàng hóa có thuế suất cao.
- Doanh nghiệp mới thành lập hoặc có lịch sử tuân thủ chưa tốt.
- Giao dịch với đối tác có dấu hiệu rủi ro.

3. Quy trình tham vấn

Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ

Doanh nghiệp nộp hồ sơ hải quan và khai báo trị giá theo quy định.

Cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ, dữ liệu và đánh giá rủi ro.

Bước 2. Xác định nghi vấn

Nếu có căn cứ nghi ngờ về trị giá khai báo, cơ quan hải quan sẽ xem xét việc tổ chức tham vấn theo quy định.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Bước 3. Thông báo tham vấn

Cơ quan hải quan gửi thông báo cho doanh nghiệp, trong đó nêu rõ:

- Thời gian tham vấn.
- Địa điểm tham vấn.
- Nội dung cần làm rõ.
- Hồ sơ, tài liệu cần bổ sung.

Bước 4. Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ

Doanh nghiệp rà soát toàn bộ chứng từ liên quan và chuẩn bị nội dung giải trình.

Việc chuẩn bị đầy đủ hồ sơ sẽ giúp quá trình tham vấn diễn ra nhanh chóng và hiệu quả.

Bước 5. Tiến hành tham vấn

Tại buổi tham vấn, cơ quan hải quan và doanh nghiệp trao đổi về:

- Giá khai báo.
- Điều kiện giao hàng.
- Điều kiện thanh toán.
- Các khoản điều chỉnh trị giá.
- Chứng từ liên quan.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến giá giao dịch.

Doanh nghiệp có trách nhiệm giải trình trung thực và cung cấp các tài liệu theo yêu cầu.

Bước 6. Kết luận

Sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ và nội dung giải trình, cơ quan hải quan sẽ đưa ra kết luận theo quy định.

4. Hồ sơ doanh nghiệp cần chuẩn bị

Một bộ hồ sơ đầy đủ là yếu tố quan trọng giúp chứng minh tính chính xác của trị giá khai báo.

Hồ sơ thương mại

- Hợp đồng ngoại thương.
- Commercial Invoice.
- Packing List.
- Phụ lục hợp đồng (nếu có).

Hồ sơ vận chuyển

- Bill of Lading hoặc Air Waybill.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

- Booking Confirmation (nếu có).
- Hợp đồng vận chuyển. Hóa đơn cước vận chuyển.

Hồ sơ bảo hiểm

- Insurance Certificate.
- Hóa đơn phí bảo hiểm. Chứng từ thanh toán phí bảo hiểm.

Hồ sơ thanh toán

- Điện chuyển tiền (Swift MT103).
- Giấy báo Có của ngân hàng.
- Chứng từ thanh toán L/C.

Hồ sơ liên quan đến khoản điều chỉnh

Nếu phát sinh:

- Hợp đồng bản quyền.
- Hợp đồng chuyển giao công nghệ.
- Hồ sơ Assist.
- Hợp đồng môi giới.
- Hóa đơn hoa hồng.
- Chứng từ phân bổ chi phí.

Hồ sơ giải trình

Doanh nghiệp nên chuẩn bị:

- Bảng tính trị giá hải quan.
- Thuyết minh các khoản cộng, khoản trừ.
- So sánh với các giao dịch trước (nếu có).
- Tài liệu kỹ thuật, catalogue hoặc báo giá để hỗ trợ giải trình.

5. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

Quyền của doanh nghiệp

Doanh nghiệp có quyền:

- Được biết lý do tham vấn.
- Được giải trình và cung cấp chứng cứ.
- Đề nghị cơ quan hải quan xem xét các tài liệu bổ sung.
- Khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định nếu không đồng ý với quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Nghĩa vụ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp có trách nhiệm:

- Khai báo trung thực, chính xác.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu.
- Hợp tác trong quá trình tham vấn.
- Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các tài liệu đã cung cấp.

6. Kết quả tham vấn

Sau tham vấn, cơ quan hải quan có thể đưa ra một trong các kết quả sau:

Trường hợp 1. Chấp nhận trị giá khai báo

Nếu doanh nghiệp chứng minh được trị giá khai báo là phù hợp, cơ quan hải quan chấp nhận trị giá đó để tiếp tục xử lý theo quy định.

Trường hợp 2. Không chấp nhận trị giá khai báo

Nếu doanh nghiệp không chứng minh được tính hợp lý của trị giá hoặc hồ sơ không đủ căn cứ, cơ quan hải quan có thể xác định trị giá theo các phương pháp xác định trị giá hải quan được pháp luật quy định.

Trường hợp 3. Yêu cầu bổ sung hồ sơ

Trong một số trường hợp, cơ quan hải quan có thể yêu cầu doanh nghiệp bổ sung thêm chứng từ hoặc tài liệu trước khi đưa ra kết luận.

Những lưu ý khi tham vấn

Doanh nghiệp nên:

- Kiểm tra kỹ toàn bộ hồ sơ trước khi tham vấn.
- Chuẩn bị bảng giải trình rõ ràng, logic.
- Đối chiếu thông tin giữa hợp đồng, hóa đơn, vận đơn và chứng từ thanh toán.
- Giải thích rõ các khoản điều chỉnh trị giá như Royalty, Assist, Freight và Insurance (nếu có).
- Lưu giữ đầy đủ hồ sơ theo quy định để phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan.

Những sai sót thường gặp

- Thiếu chứng từ thanh toán.
- Không giải trình được mức giá thấp hơn thị trường.
- Không kê khai đầy đủ các khoản phải cộng.
- Chứng từ giữa các bên không thống nhất.
- Không lưu giữ hồ sơ đầy đủ.
- Nhầm lẫn giữa chi phí được cộng và chi phí được trừ.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

IX. BÀI TẬP TÍNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN

1. Bài tập cơ bản

Bài tập 1

Công ty A nhập khẩu một lô máy móc từ Nhật Bản.

Thông tin:

- Giá CIF: 120.000 USD
- Không phát sinh khoản điều chỉnh.

Yêu cầu

Xác định trị giá hải quan.

Lời giải

Giá CIF đã bao gồm:

- Giá hàng
- Cước vận chuyển quốc tế
- Bảo hiểm

Không phát sinh khoản điều chỉnh.

Trị giá hải quan = 120.000 USD

Bài tập 2

Doanh nghiệp nhập khẩu linh kiện điện tử.

Thông tin:

- Giá CIF: 85.000 USD
- Có chi phí lắp đặt tại Việt Nam: 3.000 USD (tách riêng trên hợp đồng và hóa đơn).

Yêu cầu

Xác định trị giá hải quan.

Lời giải

Chi phí lắp đặt phát sinh sau nhập khẩu và được tách riêng nên không tính vào trị giá hải quan.

Trị giá hải quan = 85.000 USD

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

2. Bài tập Freight

Bài tập 1

Doanh nghiệp nhập khẩu hàng theo điều kiện FOB.

Thông tin:

- Giá FOB: 90.000 USD
- Freight: 3.200 USD
- Insurance: 600 USD

Yêu cầu

Tính trị giá hải quan.

Lời giải

Trị giá hải quan: 90.000 + 3.200 + 600 = **93.800 USD**

Bài tập 2

Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu.

Thông tin:

- Giá FOB: 150.000 USD
- Freight quốc tế: 5.000 USD
- Freight nội địa từ cảng về nhà máy: 700 USD

Lời giải

Freight nội địa phát sinh sau cửa khẩu nhập đầu tiên nên không tính vào trị giá hải quan.

Trị giá hải quan: 150.000 + 5.000 = **155.000 USD**

3. Bài tập Insurance

Bài tập 1

Thông tin:

- Giá FOB: 60.000 USD
- Freight: 2.000 USD
- Insurance: 500 USD

Lời giải

Trị giá hải quan: 60.000 + 2.000 + 500 = **62.500 USD**

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

Bài tập 2

Thông tin:

- Giá CIF: 100.000 USD

Trong giá CIF đã bao gồm:

- Freight
- Insurance

Lời giải

Không cộng thêm Freight và Insurance lần nữa.

Trị giá hải quan = 100.000 USD

4. Bài tập FOB

Bài tập 1

Thông tin:

- Giá FOB: 200.000 USD
- Freight: 6.000 USD
- Insurance: 1.000 USD

Lời giải

Trị giá hải quan: 200.000 + 6.000 + 1.000 = **207.000 USD**

Bài tập 2

Thông tin:

- Giá FOB: 80.000 USD
- Freight: 2.800 USD
- Insurance: 400 USD
- Royalty: 2.500 USD (đáp ứng điều kiện phải cộng)

Lời giải

Trị giá hải quan: 80.000 + 2.800 + 400 + 2.500 = **85.700 USD**

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

5. Bài tập CIF

Bài tập 1

Thông tin:

- Giá CIF: 130.000 USD

Không có khoản điều chỉnh.

Lời giải

Trị giá hải quan = 130.000 USD

Bài tập 2

Thông tin:

- Giá CIF: 180.000 USD
- Royalty: 6.000 USD (đáp ứng điều kiện phải cộng)

Lời giải

Trị giá hải quan: 180.000 + 6.000 = **186.000 USD**

6. Bài tập DDP

Bài tập 1

Thông tin:

- Giá DDP: 250.000 USD

Trong giá DDP có:

- Thuế nhập khẩu: 15.000 USD
- VAT: 26.500 USD

Giả sử các khoản thuế này được tách riêng trên chứng từ.

Yêu cầu

Xác định trị giá hải quan.

Lời giải

Theo điều kiện DDP, giá bán có thể bao gồm cả các khoản thuế và chi phí sau cửa khẩu nhập đầu tiên. Khi các khoản thuế được tách riêng và đáp ứng điều kiện loại trừ thì không tính vào trị giá hải quan.

Trị giá hải quan: 250.000 − 15.000 − 26.500 = **208.500 USD**

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Bài tập 2

Thông tin:

- Giá DDP: 400.000 USD
- Thuế nhập khẩu: 20.000 USD
- VAT: 42.000 USD
- Chi phí vận chuyển nội địa sau nhập khẩu: 5.000 USD (tách riêng)

Lời giải

Trị giá hải quan: 400.000 – 20.000 – 42.000 – 5.000 = **333.000 USD**

7. Bài tập Royalty

Bài tập 1

Thông tin:

- Giá CIF: 120.000 USD
- Royalty: 8.000 USD (đáp ứng điều kiện phải cộng)

Lời giải

Trị giá hải quan: 120.000 + 8.000 = **128.000 USD**

Bài tập 2

Thông tin:

- Giá CIF: 95.000 USD
- Royalty: 3.500 USD
- Freight và Insurance đã bao gồm trong giá CIF.

Lời giải

Trị giá hải quan: 95.000 + 3.500 = **98.500 USD**

8. Bài tập Assist

Bài tập 1

Thông tin:

- Giá CIF: 150.000 USD
- Giá trị khuôn mẫu (Assist): 12.000 USD, được phân bổ toàn bộ cho lô hàng và đáp ứng điều kiện phải cộng.

Lời giải

Trị giá hải quan: 150.000 +12.000 = **162.000 USD**

Bài tập 2

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Doanh nghiệp cung cấp khuôn mẫu trị giá: 40.000 USD

Khuôn dùng sản xuất: 20.000 sản phẩm.

Lô hàng nhập khẩu: 5.000 sản phẩm.

Giá CIF: 100.000 USD

Lời giải

Giá trị Assist phân bổ:

40.000 × 5.000 ÷ 20.000 = 10.000 USD

Trị giá hải quan:

100.000 +10.000 = **110.000 USD**

9. Bài tập tổng hợp

Bài tập 1

Doanh nghiệp nhập khẩu máy móc theo điều kiện FOB.

Thông tin:

- Giá FOB: 300.000 USD
- Freight: 8.000 USD
- Insurance: 1.000 USD
- Royalty: 6.000 USD (đáp ứng điều kiện phải cộng)
- Assist phân bổ: 10.000 USD
- Chi phí lắp đặt tại Việt Nam: 5.000 USD (tách riêng trên chứng từ)

Yêu cầu

Xác định trị giá hải quan.

Lời giải

Các khoản cộng:

- Freight: 8.000 USD
- Insurance: 1.000 USD
- Royalty: 6.000 USD
- Assist: 10.000 USD

Chi phí lắp đặt phát sinh sau nhập khẩu nên không tính vào trị giá hải quan.

Trị giá hải quan:

300.000 + 8.000 +1.000 + 6.000 + 10.000 = **325.000 USD**

Bài tập 2

Doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị theo điều kiện DDP.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

Thông tin:

- Giá DDP: 520.000 USD
- Thuế nhập khẩu: 25.000 USD
- VAT: 54.500 USD
- Freight nội địa sau nhập khẩu: 4.000 USD
- Royalty: 8.000 USD (đáp ứng điều kiện phải cộng và chưa bao gồm trong giá DDP)

Giả sử các khoản thuế và chi phí nội địa được tách riêng trên chứng từ.

Yêu cầu: Xác định trị giá hải quan.

Lời giải

Bước 1: Loại trừ các khoản không thuộc trị giá hải quan:

520.000 – 25.000 – 54.500 – 4.000 = 436.500 USD

Bước 2: Cộng khoản Royalty:

436.500 + 8.000 = **444.500 USD**

Bài tập 3

Doanh nghiệp nhập khẩu linh kiện điện tử theo điều kiện FOB.

Thông tin:

- Giá FOB: 450.000 USD
- Freight: 12.000 USD
- Insurance: 2.000 USD
- Royalty: 5.000 USD (đáp ứng điều kiện phải cộng)
- Assist phân bổ: 15.000 USD
- Chi phí bảo trì sau nhập khẩu: 3.000 USD (tách riêng trên chứng từ)

Yêu cầu: Tính trị giá hải quan.

Lời giải

Các khoản được cộng:

- Freight: 12.000 USD
- Insurance: 2.000 USD
- Royalty: 5.000 USD
- Assist: 15.000 USD

Chi phí bảo trì sau nhập khẩu không tính vào trị giá hải quan.

Trị giá hải quan:

450.000 + 12.000 + 2.000 + 5.000 + 15.000 = **484.000 USD**

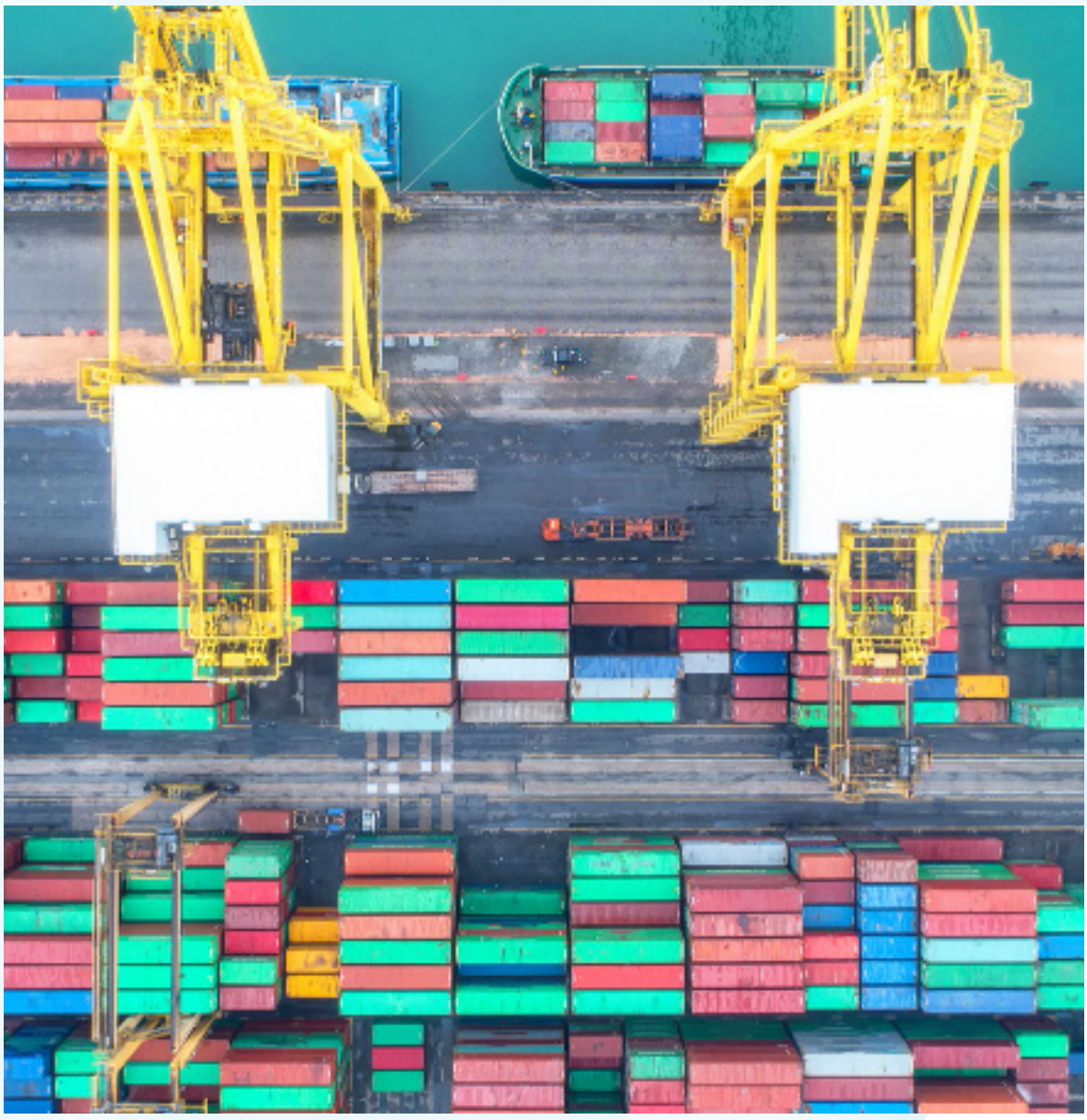
Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Kinh nghiệm giải bài tập

Khi gặp một bài tập xác định trị giá hải quan, người học nên thực hiện theo 6 bước:

1. Xác định điều kiện Incoterms (FOB, CIF, CFR, DDP...).
2. Xác định giá giao dịch ban đầu.
3. Xác định các khoản phải cộng.
4. Xác định các khoản được trừ (nếu có).
5. Tính trị giá hải quan.
6. Kiểm tra xem có cộng trùng hoặc trừ sai khoản chi phí hay không.



Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

X. TÌNH HUỐNG THỰC TẾ

1. Nhập khẩu máy móc theo điều kiện FOB

Tình huống

Công ty ABC tại Việt Nam ký hợp đồng nhập khẩu dây chuyền sản xuất từ Nhật Bản.

Điều kiện giao hàng: **FOB Tokyo**

Thông tin lô hàng:

- Giá FOB: 250.000 USD
- Cước vận chuyển quốc tế: 8.000 USD
- Phí bảo hiểm: 1.000 USD
- Không phát sinh Royalty.
- Không có Assist.

Doanh nghiệp khai trị giá hải quan bằng đúng giá FOB là **250.000 USD**.

Phân tích

Theo điều kiện FOB:

Người bán chỉ chịu trách nhiệm đưa hàng lên tàu tại cảng xuất.

Người mua chịu:

- Freight quốc tế.
- Insurance.

Hai khoản này chưa nằm trong giá FOB.

Xử lý

Doanh nghiệp phải cộng:

- Freight: 8.000 USD
- Insurance: 1.000 USD

Kết quả

Trị giá hải quan: 250.000 + 8.000 + 1.000 = **259.000 USD**

Bài học kinh nghiệm

Doanh nghiệp cần xác định đúng điều kiện Incoterms trước khi khai báo trị giá.

Không nên sử dụng trực tiếp giá FOB làm trị giá hải quan nếu còn phát sinh các khoản phải cộng theo quy định.

2. Nhập khẩu nguyên liệu theo điều kiện CIF

Tình huống

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Doanh nghiệp XYZ nhập khẩu hạt nhựa từ Hàn Quốc.

Điều kiện giao hàng: **CIF Hải Phòng**

Thông tin:

- Giá CIF: 420.000 USD
- Không có Royalty.
- Không có Assist.
- Không phát sinh khoản điều chỉnh khác.

Phân tích

Giá CIF đã bao gồm:

- Giá hàng.
- Freight.
- Insurance.

Không phát sinh khoản điều chỉnh khác.

Xử lý

Doanh nghiệp sử dụng giá CIF làm cơ sở xác định trị giá hải quan.

Kết quả

Trị giá hải quan: **420.000 USD**

Bài học kinh nghiệm

Không cộng thêm Freight hoặc Insurance nếu các khoản này đã được bao gồm trong giá CIF và không có khoản điều chỉnh khác theo quy định.

3. Điều chỉnh trị giá do phát sinh Royalty

Tình huống

Công ty Việt Nam nhập khẩu mỹ phẩm từ Pháp.

Thông tin:

- Giá CIF: 180.000 USD.
- Theo hợp đồng, doanh nghiệp phải trả phí sử dụng thương hiệu: 12.000 USD/năm.

Khoản Royalty này chưa được tính trong giá mua.

Phân tích

Doanh nghiệp cần xem xét:

- Royalty có liên quan trực tiếp đến hàng hóa nhập khẩu hay không.
- Việc trả Royalty có phải là điều kiện của giao dịch mua bán không.
- Khoản này đã được tính trong giá mua hay chưa.

Nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định, Royalty phải được cộng vào trị

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

giá hải quan.

Xử lý

Royalty: 12.000 USD

Trị giá hải quan: 180.000 +12.000 = **192.000 USD**

Bài học kinh nghiệm

Royalty là một trong những khoản thường bị bỏ sót.

Doanh nghiệp cần rà soát kỹ hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng nhượng quyền hoặc hợp đồng cấp quyền sử dụng nhãn hiệu trước khi khai báo trị giá.

4. Xử lý khoản Assist trong hợp đồng gia công

Tình huống: Công ty A tại Việt Nam thuê doanh nghiệp nước ngoài sản xuất linh kiện điện tử.

Để phục vụ sản xuất, Công ty A cung cấp miễn phí:

- Bộ khuôn mẫu trị giá: 60.000 USD.

Khuôn dùng để sản xuất: 30.000 sản phẩm.

Lô hàng nhập khẩu: 6.000 sản phẩm.

Giá CIF của lô hàng: 300.000 USD.

Phân tích

Giá trị khuôn mẫu là **Assist**.

Khoản Assist phải được phân bổ cho từng lô hàng theo quy định.

Xử lý

Giá trị Assist phân bổ:

60.000 × 6.000 ÷ 30.000 = 12.000 USD

Trị giá hải quan:

300.000 +12.000 = **312.000 USD**

Bài học kinh nghiệm

Doanh nghiệp cần:

- Theo dõi giá trị Assist.
- Lập bảng phân bổ.
- Lưu hồ sơ chứng minh việc phân bổ để phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan.

5. Doanh nghiệp bị tham vấn trị giá

Tình huống: Doanh nghiệp B nhập khẩu thiết bị y tế.

Giá khai báo: 50.000 USD.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Trong cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan, các lô hàng tương tự có mức giá khoảng 75.000 USD.

Hải quan nghi ngờ trị giá khai báo và quyết định tổ chức tham vấn.

Quá trình tham vấn

Doanh nghiệp chuẩn bị:

- Hợp đồng ngoại thương.
- Commercial Invoice.
- Chứng từ thanh toán.
- Catalogue.
- Báo giá của nhà sản xuất.
- Thư giải thích việc giảm giá do chương trình khuyến mại.

Kết quả

Sau khi xem xét các chứng từ, cơ quan hải quan xác định việc giảm giá là có căn cứ và chấp nhận trị giá khai báo.

Bài học kinh nghiệm

Nếu có mức giá thấp bất thường, doanh nghiệp cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu chứng minh để giải trình trong quá trình tham vấn.

6. Doanh nghiệp bị truy thu thuế sau kiểm tra sau thông quan

Tình huống

Một doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị điện tử trong nhiều năm.

Qua kiểm tra sau thông quan, cơ quan hải quan phát hiện:

- Doanh nghiệp phải trả Royalty cho nhà cung cấp.
- Khoản Royalty này chưa được cộng vào trị giá hải quan.

Kết quả kiểm tra

Cơ quan hải quan xác định:

- Trị giá hải quan khai báo thấp hơn thực tế.
- Thuế nhập khẩu và VAT được tính thiếu.

Doanh nghiệp phải:

- Nộp bổ sung số thuế còn thiếu.
- Nộp tiền chậm nộp theo quy định.
- Có thể bị xử lý vi phạm hành chính nếu có căn cứ.

Bài học kinh nghiệm

Doanh nghiệp cần rà soát toàn bộ hợp đồng liên quan đến giao dịch nhập khẩu, đặc biệt là các hợp đồng bản quyền và chuyển giao công nghệ, để xác định đầy đủ các khoản điều chỉnh trị giá.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

7. Khiếu nại kết quả xác định trị giá hải quan

Tình huống

Doanh nghiệp nhập khẩu máy công nghiệp.

Giá khai báo: 250.000 USD.

Sau khi tham vấn, cơ quan hải quan không chấp nhận trị giá khai báo và xác định trị giá mới là: 300.000 USD.

Doanh nghiệp cho rằng việc xác định này chưa phù hợp.

Cách xử lý

Doanh nghiệp thực hiện:

- Thu thập thêm chứng từ.
- Chuẩn bị bảng giải trình.
- Bổ sung chứng từ thanh toán.
- Bổ sung báo giá của nhà sản xuất.
- Chứng minh chương trình giảm giá.
- Chứng minh điều kiện giao dịch.

Nếu vẫn không đồng ý với kết quả xác định trị giá, doanh nghiệp có thể thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật hoặc khởi kiện theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Bài học kinh nghiệm

Doanh nghiệp nên:

- Lưu giữ đầy đủ hồ sơ.
- Theo dõi toàn bộ quá trình giao dịch.
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu chứng minh ngay từ khi ký hợp đồng.
- Chủ động giải trình với cơ quan hải quan khi có yêu cầu.

Kinh nghiệm thực tiễn

Qua các tình huống trên, có thể rút ra một số kinh nghiệm quan trọng:

- Luôn xác định đúng điều kiện Incoterms trước khi tính trị giá hải quan.
- Rà soát kỹ các khoản Freight, Insurance, Royalty và Assist.
- Chuẩn bị đầy đủ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán và các tài liệu liên quan.
- Lưu trữ hồ sơ khoa học để phục vụ tham vấn và kiểm tra sau thông quan.
- Chủ động giải trình khi có nghi vấn thay vì chờ cơ quan hải quan yêu cầu.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

- Cập nhật thường xuyên các quy định mới về trị giá hải quan và chính sách thuế.



Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Saigon Academy

TÀI LIỆU ÔN THI CÔNG CHỨC HẢI QUAN

Chuyên đề 2: Mã HS hàng hóa XNK



Cập nhật

2027

TS. Trần Quang Vũ
Z, M: 0913106015

I. TỔNG QUAN VỀ MÃ HS

1. Khái niệm mã HS

Mã HS (HS Code - Harmonized System Code) là hệ thống mã số tiêu chuẩn quốc tế dùng để **phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu** theo một cấu trúc thống nhất trên toàn thế giới.

HS viết tắt từ **Harmonized Commodity Description and Coding System** (*Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa*).

Hệ thống này được xây dựng nhằm giúp các quốc gia sử dụng cùng một ngôn ngữ trong việc xác định chủng loại hàng hóa khi giao dịch quốc tế.

Ví dụ:

Hàng hóa	Mã HS
Gạo	1006
Cà phê	0901
Điện thoại di động	8517
Máy tính xách tay	8471

Các quốc gia đều dựa trên 6 số đầu của mã HS để phân loại hàng hóa theo tiêu chuẩn chung. Sau đó, mỗi quốc gia có thể mở rộng thêm các chữ số để phục vụ quản lý trong nước.

a. Ý nghĩa của mã HS

Mỗi mã HS đại diện cho một nhóm hàng hóa có đặc điểm giống nhau.

Thông qua mã HS có thể xác định:

- Tên hàng hóa
- Thuế nhập khẩu
- Thuế xuất khẩu
- Thuế giá trị gia tăng (GTGT)
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
- Chính sách quản lý
- Kiểm dịch
- Giấy phép chuyên ngành
- Điều kiện nhập khẩu
- Quy tắc xuất xứ

Có thể nói:

"Mã HS chính là 'chứng minh thư' của hàng hóa trong thương mại quốc tế."

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

b. Đặc điểm của mã HS

Mã HS có các đặc điểm sau:

- Có tính thống nhất trên phạm vi quốc tế.
- Áp dụng cho hầu hết hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Được xây dựng theo nguyên tắc phân loại khoa học.
- Có thể cập nhật theo sự phát triển của công nghệ và thương mại.
- Được hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ sử dụng.

c. Ví dụ minh họa

Ví dụ mặt hàng:

Điện thoại thông minh (Smartphone)

Mã HS quốc tế: **8517.13**

Thông qua mã HS có thể xác định:

- Thuế nhập khẩu
- Thuế GTGT
- Chính sách kiểm tra chuyên ngành
- Chính sách ưu đãi theo FTA
- Điều kiện nhập khẩu

2. Lịch sử hình thành Hệ thống HS

a. Giai đoạn trước khi có HS

Trước đây, mỗi quốc gia đều xây dựng hệ thống phân loại hàng hóa riêng.

Điều này dẫn đến nhiều khó khăn:

- Không thống nhất tên gọi.
- Khó so sánh số liệu thương mại.
- Khó xác định thuế.
- Phát sinh nhiều tranh chấp.

Ví dụ:

Một loại máy móc có thể được phân loại khác nhau ở từng quốc gia.

Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan.

b. Hệ thống CCCN

Năm 1950, Hội đồng Hợp tác Hải quan (Customs Cooperation Council - CCC) xây dựng:

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Customs Cooperation Council Nomenclature (CCCN)

Đây được xem là tiền thân của Hệ thống HS hiện nay.

Tuy nhiên CCCN vẫn còn nhiều hạn chế:

- Ít nhóm hàng.
- Chưa bao quát hàng hóa mới.
- Chưa đáp ứng tốc độ phát triển thương mại.

c. Sự ra đời của Hệ thống HS

Để khắc phục những hạn chế trên, cộng đồng quốc tế đã xây dựng Hệ thống HS.

Các mốc quan trọng:

- **1983:** Công ước HS được thông qua.
- **1988:** Hệ thống HS chính thức có hiệu lực.

Kể từ đó, HS trở thành tiêu chuẩn phân loại hàng hóa được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới.

d. Sự phát triển của HS

Do công nghệ luôn thay đổi nên HS cũng được sửa đổi định kỳ.

Ví dụ:

- Xuất hiện điện thoại thông minh.
- Drone.
- Máy in 3D.
- Pin lithium.
- Thiết bị năng lượng tái tạo.

Nếu không cập nhật, nhiều hàng hóa mới sẽ không có mã phù hợp.

3. Mục đích của việc phân loại hàng hóa

Việc phân loại hàng hóa theo mã HS nhằm đạt nhiều mục tiêu khác nhau.

3.1. Xác định thuế

Đây là mục đích quan trọng nhất.

Mỗi mã HS sẽ tương ứng với:

- Thuế nhập khẩu
- Thuế xuất khẩu
- Thuế GTGT
- Thuế TTĐB
- Thuế BVMT (nếu có)

Ví dụ:

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Hai loại hàng nhìn giống nhau nhưng có mã HS khác nhau có thể chịu mức thuế hoàn toàn khác.

3.2. Thực hiện chính sách quản lý nhà nước

Thông qua mã HS, Nhà nước xác định:

- Có cần giấy phép không.
- Có thuộc diện cấm nhập không.
- Có kiểm dịch không.
- Có kiểm tra chất lượng không.
- Có kiểm tra an toàn thực phẩm không.

3.3. Thống kê thương mại

Mọi số liệu xuất nhập khẩu đều được thống kê theo mã HS.

Ví dụ:

Việt Nam xuất khẩu bao nhiêu cà phê?

Bao nhiêu gạo?

Bao nhiêu thép?

Đều dựa trên mã HS.

3.4. Thực hiện các Hiệp định thương mại

Muốn hưởng ưu đãi thuế quan từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA), doanh nghiệp phải xác định đúng mã HS để:

- Áp dụng đúng quy tắc xuất xứ.
- Đối chiếu biểu thuế ưu đãi.
- Xin cấp C/O phù hợp.

3.5. Tạo thuận lợi thương mại

HS giúp:

- Hải quan các nước hiểu cùng một loại hàng.
- Giảm tranh chấp.
- Rút ngắn thời gian thông quan.
- Chuẩn hóa dữ liệu.

4. Vai trò của mã HS trong thương mại quốc tế

4.1. Đối với doanh nghiệp

Mã HS giúp doanh nghiệp:

- Tính đúng chi phí nhập khẩu.
- Lập kế hoạch kinh doanh.
- Xác định thuế.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

- Xin giấy phép.
- Xin C/O.
- Tránh bị truy thu thuế.
- Hạn chế xử phạt vi phạm.

4.2. Đối với cơ quan Hải quan

Mã HS là căn cứ để:

- Kiểm tra khai báo.
- Tính thuế.
- Quản lý rủi ro.
- Thống kê thương mại.
- Chống gian lận thương mại.
- Kiểm soát hàng cấm.

4.3. Đối với Nhà nước

HS hỗ trợ:

- Xây dựng chính sách thuế.
- Điều hành xuất nhập khẩu.
- Đàm phán FTA.
- Quản lý thống kê quốc gia.
- Bảo vệ sản xuất trong nước.

4.4. Đối với thương mại quốc tế

HS giúp:

- Chuẩn hóa hoạt động thương mại.
- Giảm tranh chấp.
- Tăng tính minh bạch.
- Thúc đẩy thương mại toàn cầu.
- Đơn giản hóa thủ tục hải quan.

5. Cơ quan ban hành và quản lý HS

5.1. Tổ chức Hải quan thế giới (WCO)

Tổ chức Hải quan thế giới (World Customs Organization - WCO) là tổ chức liên chính phủ có trụ sở tại Brussels (Bỉ), chịu trách nhiệm xây dựng, duy trì và cập nhật Hệ thống HS.

Các nhiệm vụ chính của WCO gồm:

- Ban hành Hệ thống HS.
- Cập nhật định kỳ Hệ thống HS.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

- Ban hành Chú giải chi tiết HS (Explanatory Notes).
- Hướng dẫn áp dụng thống nhất giữa các quốc gia.
- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cơ quan hải quan các nước.
- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hải quan.

Hiện nay, phần lớn các nền kinh tế trên thế giới đều áp dụng Hệ thống HS của WCO làm cơ sở xây dựng biểu thuế và danh mục hàng hóa quốc gia.

5.2. Công ước HS

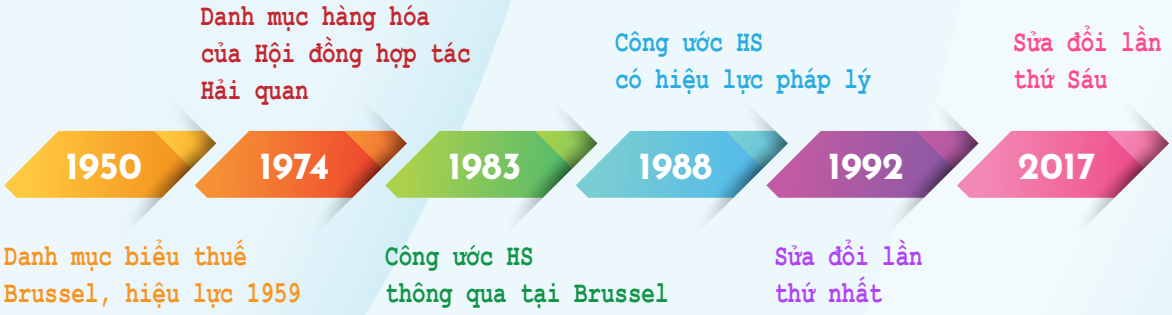
Để thống nhất việc áp dụng HS trên toàn cầu, các quốc gia tham gia **Công ước quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS Convention)**.

Những nội dung chính của Công ước gồm:

- Quy định cấu trúc thống nhất của Hệ thống HS.
- Yêu cầu các nước thành viên áp dụng đúng 6 số đầu của mã HS.
- Cho phép các quốc gia mở rộng thêm các chữ số sau 6 số đầu để phục vụ quản lý trong nước, nhưng không làm thay đổi nội dung phân loại ở cấp độ quốc tế.
- Thiết lập cơ chế sửa đổi, cập nhật HS định kỳ nhằm đáp ứng sự phát triển của thương mại và công nghệ.

Việc tham gia Công ước HS giúp các quốc gia sử dụng chung một nền tảng phân loại hàng hóa, tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế và hợp tác hải quan.

Quá trình hình thành và phát triển



Tổng số thành viên của Công ước tính đến tháng 2/2019: 157 thành viên

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

5.3. Phiên bản HS qua các thời kỳ

Để phản ánh sự xuất hiện của các mặt hàng mới và thay đổi trong thương mại toàn cầu, Hệ thống HS được WCO rà soát và sửa đổi định kỳ, thông thường khoảng **5 năm một lần**.

Các phiên bản HS đã được ban hành gồm:

Phiên bản	Năm áp dụng	Đặc điểm nổi bật
HS 1988	1988	Phiên bản đầu tiên có hiệu lực.
HS 1996	1996	Điều chỉnh, bổ sung một số nhóm hàng.
HS 2002	2002	Cập nhật theo sự phát triển của thương mại quốc tế.
HS 2007	2007	Bổ sung nhiều mặt hàng về nông nghiệp và công nghệ.
HS 2012	2012	Điều chỉnh các nhóm hàng về môi trường, sức khỏe và an toàn.
HS 2017	2017	Bổ sung các sản phẩm công nghệ cao, thiết bị điện tử và năng lượng.
HS 2022	2022	Cập nhật các nhóm hàng mới như thiết bị bay không người lái (drone), thuốc lá điện tử, sản phẩm công nghệ số, pin lithium và nhiều mặt hàng phục vụ kinh tế số, bảo vệ môi trường.

Mỗi lần sửa đổi đều nhằm:

- Phản ánh sự phát triển của khoa học và công nghệ.
- Đáp ứng nhu cầu thống kê thương mại mới.
- Hỗ trợ quản lý các mặt hàng có rủi ro cao.
- Thống nhất cách phân loại hàng hóa giữa các quốc gia.

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

II. CẤU TRÚC CỦA MÃ HS

1. Hệ thống phân cấp

Hệ thống HS được xây dựng theo nguyên tắc **phân loại từ tổng quát đến chi tiết**. Mỗi cấp độ phân loại sẽ mô tả hàng hóa với mức độ cụ thể hơn cấp trước.

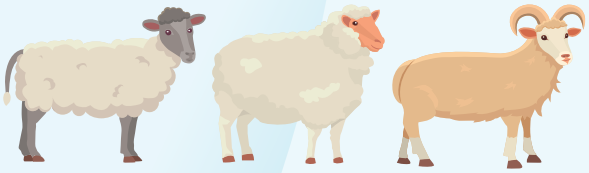
Cấu trúc phân cấp của Hệ thống HS gồm:

Phần (Section) → Chương (Chapter) → Nhóm (Heading) → Phân nhóm (Subheading)

Đối với nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, sau cấp Phân nhóm còn mở rộng thêm các cấp quản lý quốc gia.

Cấu trúc của danh mục HS:

	Phân cấp	Số lượng	Mã HS	Mô tả hàng hóa
Cấp độ quốc tế	Phần I	21	I	Động vật sống, S.P từ động vật sống
	Chương	99	01	Động vật sống
	Nhóm	1.244	01 04	Cừu và dê sống
	Phân nhóm	5.387	01 04 10	– Cừu
Quốc gia	Mã HS	18.800	01 04 10 10	– – Cừu thuần chủng để nhân giống



1.1. Phần (Section)

Phần (Section) là cấp phân loại lớn nhất trong Hệ thống HS.

Mỗi phần tập hợp các chương có tính chất tương đồng.

Ví dụ:

- Động vật
- Thực vật
- Máy móc
- Thiết bị điện
- Kim loại
- Hóa chất

HS hiện nay gồm **21 phần**.

Ví dụ

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

Phần XVI: Máy và thiết bị cơ khí; thiết bị điện; máy ghi và tái tạo âm thanh, hình ảnh...

Trong phần này bao gồm:

- Chương 84
- Chương 85

Vai trò

Phần giúp:

- Định hướng tìm kiếm.
- Thu hẹp phạm vi tra cứu.
- Hiểu bản chất chung của hàng hóa.

Lưu ý: **Phần không có giá trị pháp lý để phân loại hàng hóa.**

Tên phần chỉ mang tính chất định hướng.

1.2. Chương (Chapter)

Sau Phần là **Chương**.

Mỗi chương gồm một nhóm hàng hóa có đặc điểm tương đối giống nhau.

Toàn bộ HS có **99 chương**.

Trong đó:

- Chương 1 đến Chương 97 dùng để phân loại hàng hóa.
- Chương 98 và 99 thường do từng quốc gia quy định cho mục đích quản lý riêng.

Ví dụ

Chương	Nội dung
01	Động vật sống
09	Cà phê, chè, gia vị
39	Chất dẻo và sản phẩm bằng nhựa
61	Quần áo dệt kim
84	Máy móc cơ khí
85	Thiết bị điện

Vai trò

Chương giúp xác định phạm vi lớn của hàng hóa.

Ví dụ: Điện thoại di động chắc chắn thuộc: **Chương 85**

không thể thuộc: **Chương 09 (Cà phê)**

Tài liệu thuộc bản quyền của TS. Trần Quang Vũ - Mobile, zalo: 0913106015

https://congchuchaiquan.com/

ĐĂNG KÝ MUA TÀI LIỆU ĐỂ XEM FULL NHÉ!

Tài liệu ôn thi công chức hải quan







Giá: 500 nghìn đồng

Thanh toán:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIÁO DỤC LAN ANH

Số tài khoản: **1028181075**

Ngân hàng: TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Nội dung: Số điện thoại + Bộ đề thi CCHQ

Vietcombank

Nhận link Google Drive qua Zalo, email ngay lập tức

Liên hệ:

Mr. Trần Quang Vũ

M, Z: 0913106015

Zalo